

Số: 17 /KL-ĐNA.TTGS

Đồng Nai, ngày 30 tháng 7 năm 2024

KẾT LUẬN THANH TRA
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng Chi nhánh Đồng Nai

Thực hiện Quyết định thanh tra số 07/QĐ-ĐNA.TTGS ngày 22/3/2024 của Chánh Thanh tra, giám sát Ngân hàng Nhà nước (NHNN) Chi nhánh tỉnh Đồng Nai về việc thanh tra Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPB) Chi nhánh Đồng Nai, Đoàn thanh tra đã tiến hành thanh tra từ ngày 02/4/2024 đến ngày 10/6/2024;

Xét báo cáo kết quả thanh tra Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng Chi nhánh Đồng Nai ngày 25/6/2024 của Trưởng Đoàn thanh tra. Chánh Thanh tra, giám sát Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Đồng Nai kết luận như sau:

PHẦN I
KHÁI QUÁT CHUNG

I. Quá trình thành lập và hoạt động

Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng Chi nhánh Đồng Nai được thành lập theo Quyết định số 08-2007/QĐ-HĐQT ngày 12/01/2007 của Chủ tịch HĐQT VPB và Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Chi nhánh số 0100233583-017 do phòng Đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp ngày 22/01/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 31/08/2017; Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Thanh Hòa-Giám đốc Chi nhánh được bổ nhiệm theo Quyết định số 953/2015-QĐ-HĐQT ngày 19/08/2015 của Chủ tịch HĐQT.

Cơ cấu tổ chức bộ máy của chi nhánh bao gồm:

- Ban Giám đốc: Gồm có 7 người (Giám đốc và 06 Phó Giám đốc); Giám đốc phụ trách Phòng KHCN tại Chi nhánh; Các Phó Giám đốc phụ trách một phòng chuyên môn, bộ phận chức năng riêng và Phòng Giao dịch.

- Các phòng chuyên môn, bộ phận chức năng tại Chi nhánh: Phòng DVKH, Trung tâm SME, Phòng KHCN, Trung tâm thế chấp, Phòng kinh doanh KH tiểu thương. Tổ chức hoạt động theo mô hình chuyên môn hoá phê duyệt tập trung theo từng khối khách hàng riêng.

- Phòng Giao dịch trực thuộc: 02 Phòng, gồm: PGD Hồ Nai (địa chỉ: Số 212 xa lộ Hà Nội, khu phố 1, phường Tân Biên, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai và PGD Long Thành (địa chỉ: Số A1-3 và A1-4, khu dân cư Cầu Xéo, chợ Long Thành, thị trấn Long Thành, tỉnh Đồng Nai).

- Số lao động đang làm việc tại Chi nhánh 93 người, toàn bộ đều có trình độ Đại học.

II. Tình hình hoạt động của Chi nhánh

1. Về huy động vốn

Đến 31/12/2023, tổng huy động vốn của Chi nhánh đạt 1.221.813 triệu đồng, so với thời điểm 31/12/2020 tăng 439.038 triệu đồng, tỷ lệ tăng 56,1%; so với thời điểm 31/12/2021 tăng 615.677 triệu đồng, tỷ lệ tăng 101,6%; so với thời điểm 31/12/2022 tăng 325.692 triệu đồng, tỷ lệ tăng 36,3%. Trong đó:

- Phân theo loại hình: Huy động vốn cá nhân đạt 1.189.790 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 97,4% trên tổng huy động vốn; Huy động vốn tổ chức đạt 32.023 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 2,6% trên tổng huy động vốn.

- Phân theo loại tiền: Huy động bằng VND là 1.221.173 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 99,95% trên tổng vốn huy động; Huy động bằng ngoại tệ (EUR/USD) là 640 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 0,05% trên tổng vốn huy động.

- Phân theo kỳ hạn: Huy động không kỳ hạn là 361.986 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 29,6% trên tổng vốn huy động; Huy động có kỳ hạn là 859.827 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 70,4% trên tổng vốn huy động.

2. Về hoạt động cho vay

Đến 31/12/2023, tổng dư nợ cho vay đạt 4.636.753 triệu đồng, so với thời điểm 31/12/2020 tăng 3.696.959 triệu đồng, tỷ lệ tăng 393%; so với thời điểm 31/12/2021 tăng 3.575.624 triệu đồng, tỷ lệ tăng 337%; so với thời điểm 31/12/2022 tăng 2.395.726 triệu đồng, tỷ lệ tăng 107%. Trong đó:

- Dư nợ ngắn hạn là 1.676.281 triệu đồng, chiếm 36,2% tổng dư nợ; Dư nợ trung, dài hạn là 2.960.472 triệu đồng, chiếm 63,8% tổng dư nợ.

- Nợ quá hạn tại Chi nhánh là 463.882 triệu đồng, chiếm 10% tổng dư nợ.

- Nợ nhóm 2 là 351.908 triệu đồng, chiếm 7,6% tổng dư nợ, so với thời điểm 31/12/2020 tăng 323.817 triệu đồng, tỷ lệ tăng 1.153%; so với thời điểm 31/12/2021 tăng 292.154 triệu đồng, tỷ lệ tăng 489%; so với thời điểm 31/12/2022 tăng 256.484 triệu đồng, tỷ lệ tăng 269%.

- Nợ xấu (nhóm 3-5) tại thời điểm 31/12/2023 là 111.975 triệu đồng, chiếm 2,41%/tổng dư nợ, so với thời điểm 31/12/2020 tăng 99.466 triệu đồng, tỷ lệ tăng 795%; so với thời điểm 31/12/2021 tăng 93.373 triệu đồng, tỷ lệ tăng 502%; so với thời điểm 31/12/2022 tăng 88.702 triệu đồng, tỷ lệ tăng 381%.

- Nợ cơ cấu (theo Thông tư số 02/2013/TT-NHNN, Thông tư số 09/2014/TT-NHNN, Thông tư số 11/2021/TT-NHNN) đến 31/12/2023 là 432,6 triệu đồng, so với thời điểm 31/12/2020 giảm 1.011 triệu đồng, tỷ lệ giảm 70%; so với thời điểm 31/12/2021 giảm 12.360 triệu đồng, tỷ lệ giảm 97%; so với thời điểm 31/12/2022 giảm 4.455 triệu đồng, tỷ lệ giảm 91%.

- Nợ cơ cấu Covid-19 (Theo Thông tư số 01/2020/TT-NHNN, Thông tư số 03/2021/TT-NHNN, Thông tư số 14/2021/TT-NHNN) đến 31/12/2023 là 7.700 triệu đồng, so với thời điểm 31/12/2020 giảm 35.421 triệu đồng, tỷ lệ giảm 82%; so với thời điểm 31/12/2021 giảm 167.565 triệu đồng, tỷ lệ giảm 95,6%; so với thời điểm 31/12/2022 giảm 85.793 triệu đồng, tỷ lệ giảm 91,8%.

- Nợ cơ cấu khách hàng gặp khó khăn (Theo Thông tư số 02/2023/TT-NHNN) đến 31/12/2023 là 14.381,9 triệu đồng (gồm cả dư nợ cơ cấu gốc và dư nợ cơ cấu lãi) đối với 16 khách hàng.

2.1. Dư nợ phân theo mục đích

- Cho vay kinh doanh bất động sản: 35.875 triệu đồng, chiếm 0,8% tổng dư nợ cho vay; so với thời điểm 31/12/2020 tăng 35.875 triệu đồng, tỷ lệ tăng 100%; so với thời điểm 31/12/2021 tăng 30.291 triệu đồng, tỷ lệ tăng 542%; so với thời điểm 31/12/2022 tăng 23.181 triệu đồng, tỷ lệ tăng 182,6%. Trong đó nợ xấu là 0 đồng.

- Cho vay phục vụ thương mại, dịch vụ: 1.503.400 triệu đồng, chiếm 32,4% tổng dư nợ cho vay; so với thời điểm 31/12/2020 tăng 1.321.911 triệu đồng, tỷ lệ tăng 728%; so với thời điểm 31/12/2021 tăng 1.276.823 triệu đồng, tỷ lệ tăng 563%; so với thời điểm 31/12/2022 tăng 1.056.280 triệu đồng, tỷ lệ tăng 236%. Trong đó nợ xấu là 5.946 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 0,4% dư nợ cho vay kinh doanh, thương mại.

- Cho vay tiêu dùng, thẻ tín dụng: 2.886.179 triệu đồng, chiếm 62,2% tổng dư nợ cho vay; so với thời điểm 31/12/2020 tăng 2.419.154 triệu đồng, tỷ lệ tăng 518%; so với thời điểm 31/12/2021 tăng 2.174.177 triệu đồng, tỷ lệ tăng 305%; so với thời điểm 31/12/2022 tăng 1.296.690 triệu đồng, tỷ lệ tăng 81,6%. Trong đó nợ xấu là 103.447 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 3,5% dư nợ cho vay tiêu dùng.

- Dư nợ cho vay các đối tượng khác 211.298 triệu đồng, chiếm 4,6% tổng dư nợ cho vay; so với thời điểm 31/12/2020 giảm 79.982 triệu đồng, tỷ lệ giảm 27,5%; so với thời điểm 31/12/2021 tăng 94.333 triệu đồng, tỷ lệ tăng 80,6%; so với thời điểm 31/12/2022 tăng 19.573 triệu đồng, tỷ lệ 10,2%. Trong đó nợ xấu là 2.581 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 1,2% dư nợ cho vay các đối tượng khác.

2.2. Dư nợ phân theo kỳ hạn

- Dư nợ cho vay ngắn hạn là 1.676.281 triệu đồng, so với thời điểm 31/12/2020 tăng 1.265.176 triệu đồng, tỷ lệ tăng 308%; so với thời điểm 31/12/2021 tăng 1.359.564 triệu đồng, tỷ lệ tăng 429%; so với thời điểm 31/12/2022 tăng 1.060.479 triệu đồng, tỷ lệ tăng 172%. Trong đó nợ xấu là 34.042 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 2% dư nợ cho vay ngắn hạn.

- Dư nợ cho vay trung dài hạn là 2.960.471 triệu đồng, so với thời điểm 31/12/2020 tăng 2.431.783 triệu đồng, tỷ lệ tăng 460%; so với thời điểm 31/12/2021 tăng 2.216.059 triệu đồng, tỷ lệ tăng 297%; so với thời điểm 31/12/2022 tăng 1.335.246 triệu đồng, tỷ lệ tăng 82,2%. Trong đó nợ xấu là 77.933 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 2,6% dư nợ cho vay trung dài hạn.

2.3. Dư nợ phân theo thành phần kinh tế

- Dư nợ cho vay doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (FDI): Không phát sinh.

- Dư nợ cho vay doanh nghiệp ngoài quốc doanh là 278.289 triệu đồng, chiếm 6% tổng dư nợ cho vay; so với thời điểm 31/12/2020 giảm 96.950 triệu đồng, tỷ lệ giảm 25,8%; so với thời điểm 31/12/2021 tăng 100.623 triệu đồng, tỷ

lệ tăng 56,6%; so với thời điểm 31/12/2022 tăng 51.491 triệu đồng, tỷ lệ tăng 22,7%. Trong đó nợ xấu là 2.726 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 1% dư nợ cho vay doanh nghiệp ngoài quốc doanh.

- Dư nợ cho vay cá nhân là 4.358.463 triệu đồng, chiếm 94% tổng dư nợ cho vay; so với thời điểm 31/12/2020 tăng 3.793.909 triệu đồng, tỷ lệ tăng 672%; so với thời điểm 31/12/2021 tăng 3.475.000 triệu đồng, tỷ lệ tăng 393%; so với thời điểm 31/12/2022 tăng 2.344.234 triệu đồng, tỷ lệ tăng 116%. Trong đó nợ xấu là 109.249 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 2,5% dư nợ cho vay cá nhân.

2.4. Dư nợ phân theo loại tiền

- Dư nợ cho vay VND là 4.567.258 triệu đồng, chiếm 98,5% tổng dư nợ cho vay; so với thời điểm 31/12/2020 tăng 3.677.484 triệu đồng, tỷ lệ tăng 413%; so với thời điểm 31/12/2021 tăng 3.567.624 triệu đồng, tỷ lệ tăng 357%; so với thời điểm 31/12/2022 tăng 2.393.049 triệu đồng, tỷ lệ tăng 110%. Nợ xấu là 111.975 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 2,4% dư nợ cho vay bằng VND.

- Dư nợ cho vay ngoại tệ: 69.494 triệu đồng, chiếm 1,5% tổng dư nợ cho vay; so với thời điểm 31/12/2020 tăng 19.474 triệu đồng, tỷ lệ tăng 38,9%; so với thời điểm 31/12/2021 tăng 7.999 triệu đồng, tỷ lệ tăng 13%; so với thời điểm 31/12/2022 tăng 2.676 triệu đồng, tỷ lệ tăng 4%. Nợ xấu 0 đồng.

3. Về hoạt động đầu tư trái phiếu doanh nghiệp: Không phát sinh.

4. Về hoạt động bảo lãnh

Đến 31/12/2023, tổng số dư bảo lãnh là 40.633 triệu đồng, so với thời điểm 31/12/2020 tăng 14.827 triệu đồng, tỷ lệ tăng 57,5%; so với thời điểm 31/12/2021 tăng 27.108 triệu đồng, tỷ lệ tăng 2%; so với thời điểm 31/12/2022 tăng 28.814 triệu đồng, tỷ lệ tăng 243,8%. Hoạt động bảo lãnh chủ yếu là bảo lãnh thanh toán, bảo lãnh thực hiện hợp đồng và cam kết nghiệp vụ thư tín dụng L/C. Trong thời kỳ thanh tra, chưa phát sinh dư nợ cho vay bắt buộc đối với việc thực hiện cấp bảo lãnh.

5. Về kế hoạch tăng trưởng huy động và tín dụng

Trong thời kỳ thanh tra, Tổng Giám đốc VPB giao cho VPB Chi nhánh Đồng Nai kế hoạch tăng trưởng tín dụng như sau:

- Năm 2020: Số dư vốn huy động là 1.032 tỷ đồng, tăng trưởng 30% so với năm 2019; Số dư nợ tín dụng là 1.203 tỷ đồng, tăng trưởng 20% so với năm 2019; Chi nhánh đạt 125,1% kế hoạch được giao.

- Năm 2021: Số dư vốn huy động là 1.035 tỷ đồng, tăng trưởng 35% so với năm 2020. Số dư nợ tín dụng là 1.363 tỷ đồng, tăng trưởng 30% so với năm 2020; Chi nhánh đạt 77,8% kế hoạch được giao.

- Năm 2022: Số dư vốn huy động là 866 tỷ đồng, tăng trưởng 45% so với năm 2021; Số dư nợ tín dụng là 2.228 tỷ đồng, tăng trưởng 100% so với năm 2021; Chi nhánh đạt 100,6% kế hoạch được giao.

- Năm 2023: Số dư vốn huy động là 1.290 tỷ đồng, tăng trưởng 45% so với năm 2022. Số dư nợ tín dụng là 4.783 tỷ đồng, tăng trưởng 120% so với năm 2022; Chi nhánh đạt 96,9% kế hoạch được giao.

- Năm 2024: Số dư vốn huy động là 1.588 tỷ đồng, tăng trưởng 30% so với năm 2023; Số dư nợ tín dụng là 6.189 tỷ đồng, tăng trưởng 35% so với năm 2023.

6. Về công tác kiểm soát, kiểm toán nội bộ

Theo báo cáo, trong thời kỳ thanh tra chỉ phát sinh 01 báo cáo số 26/BCKT/2020 ngày 31/7/2020 về việc thực hiện kiểm toán nội bộ tại VPB Chi nhánh Đồng Nai, theo đó kiểm toán số liệu đến 31/12/2019 và đến 31/5/2020.

7. Kết quả kinh doanh: Chênh lệch thu nhập trừ chi phí năm 2020 là 45.382 triệu đồng, năm 2021 là 30.476 triệu đồng, năm 2022 là 70.545 triệu đồng, năm 2023 là 75.818 triệu đồng.

PHẦN II KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH

I. Thanh tra hoạt động cho vay, bảo lãnh

1. Về việc ban hành quy định nội bộ

Trong thời kỳ thanh tra, Hội đồng quản trị, Ban điều hành Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng đã ban hành các quy định về hoạt động cho vay (các sản phẩm liên qua đến việc cấp tín dụng), bảo lãnh, quy định về nhận tài sản để đảm bảo tiền vay, quy định về phân loại nợ, trích lập dự phòng rủi ro,... Tuy nhiên, qua kết quả kiểm tra nhận thấy việc ban hành các quy định nội bộ liên quan đến hoạt động cho vay chưa đầy đủ, chặt chẽ, tiềm ẩn nhiều rủi ro như sau:

1.1. Sản phẩm cho vay thanh toán tiền đặt cọc cho bên thứ ba dành cho khách hàng cá nhân tại Dự án Gem Sky World

Sản phẩm cho vay đối với khách hàng cá nhân có nhu cầu vay vốn để thanh toán tiền cọc cho bên thứ ba (Công ty CP Dịch vụ BĐS Đất Xanh - Công ty Đất Xanh) cung ứng dịch vụ tư vấn và môi giới bất động sản cho khách hàng (thỏa thuận tư vấn) để có thể tìm hiểu và mua được BĐS tại dự án Gem Sky World căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 328 Bộ luật dân sự năm 2015.

Khi triển khai ký các thỏa thuận tư vấn thì mục đích cụ thể việc đặt cọc là một phần giá trị sản phẩm mà khách hàng (vay vốn tại VPB) đặt cọc cho Công ty Đất Xanh để đảm bảo thực hiện các cam kết theo thỏa thuận (tư vấn, môi giới) và nhằm mục đích chứng minh năng lực tài chính để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng được ký kết giữa khách hàng và chủ đầu tư (khi chủ đầu tư có đủ điều kiện bán/chuyển nhượng sản phẩm tư vấn và thực hiện Hợp đồng được ký kết giữa khách hàng và Chủ đầu tư). Trong khi đó, hoạt động ngành nghề của Công ty Đất Xanh (Công ty môi giới bất động sản) phải tuân thủ các quy định tại Luật kinh doanh bất động sản 2014 trong phạm vi chỉ thực hiện các dịch vụ trung gian cho các bên có nhu cầu mua bán, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, cho thuê mua bất động sản và hưởng thù lao, hoa hồng môi giới từ các giao dịch này.

Sau khi khách hàng vay thanh toán cho Công ty Đất Xanh để thực hiện thỏa thuận tư vấn theo mục đích vay nhưng do các bên chưa thực hiện, thống

nhất thực hiện giám sát số tiền đã thanh toán đặt cọc theo thỏa thuận tư vấn dẫn đến VPB chưa kiểm soát được dòng tiền vốn vay của khách hàng, rủi ro có thể phát sinh việc chiếm dụng vốn, ảnh hưởng đến việc vay vốn và trả nợ của khách hàng khi Công ty Đất Xanh chưa thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận tư vấn với khách hàng, theo thỏa thuận giữa ba bên (Công ty Đất Xanh, VPB và khách hàng).

Kết quả kiểm tra nhận thấy Công ty Đất Xanh hiện đang gặp khó khăn tài chính, chưa thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán theo các thỏa thuận với khách hàng và ngân hàng dẫn đến một số khách hàng đang khiếu kiện, khiếu nại trong quá trình thực hiện thỏa thuận tư vấn giữa Công ty Đất Xanh và khách hàng.

1.2. Sản phẩm cho vay TOPUP (Hướng dẫn chương trình phê duyệt trước và giải ngân với các khoản vay có TSDB cho KHCN hiện hữu tại VPB ngày 25/06/2023)

Sản phẩm cho vay quy định chưa đầy đủ, chặt chẽ dẫn đến việc thẩm định, xét duyệt cho vay gặp nhiều rủi ro do chưa đánh giá cụ thể và đầy đủ khả năng trả nợ của khách hàng, chưa kiểm soát được việc cho vay khi chứng từ tài liệu chứng minh nguồn trả nợ và mục đích sử dụng vốn sau cho vay chưa tuân thủ theo các quy định của pháp luật. Cụ thể: Sản phẩm cho vay đối với khách hàng đang có dư nợ tại VPB, có lịch sử thanh toán tốt trong quá khứ, không thuộc danh sách blacklist, khởi kiện, bán nợ, cán bộ nhân viên; Đánh giá khả năng tài chính, nguồn thu KH theo bảng kê thu nhập và ĐVKD chịu trách nhiệm xác minh tính chính xác và xác thực hồ sơ vay vốn; Khách hàng không phải kiểm tra lịch sử trả nợ qua CIC,...Tuy nhiên, kết quả kiểm tra nhận thấy việc triển khai sản phẩm chưa tuân thủ các quy định của pháp luật như sau:

- Tại thời điểm thẩm định, một số khách hàng đang có nợ quá hạn, đã suy giảm khả năng tài chính. Việc không kiểm tra lịch sử trả nợ qua CIC là chưa đầy đủ cơ sở chứng minh khả năng tài chính trả nợ trong trường hợp khách hàng có các khoản vay tại các TCTD khác.

- Các khoản cho vay chủ yếu là tiêu dùng cá nhân (mua các vật dụng gia đình như tivi, tủ lạnh, bàn, ghế,...), chứng từ chứng minh chỉ là các bảng kê, hoá đơn bán lẻ, hợp đồng mua bán, biên bản giao nhận hàng hóa...; Mua bán với giá trị lớn nhưng không có các chứng từ, hoá đơn theo quy định của Bộ tài chính là không phù hợp với quy định pháp luật về hóa đơn dẫn đến có thể xác định không chính xác mục đích vay vốn của khách hàng.

- Khách hàng vay vốn đều giải ngân nhận bằng tiền mặt, không thanh toán chuyển khoản cho các cửa hàng, hộ kinh doanh, cá nhân (chỉ cam kết không có tài khoản thanh toán tại TCTD nào) là chưa chặt chẽ đặc biệt đối với các giá trị mua, bán lớn).

- Khách hàng vay vốn với số tiền lớn để bổ sung vốn lưu động, nguồn trả nợ từ hoạt động mua bán, sản xuất kinh doanh, có các giấy phép đăng ký kinh doanh, hoạt động theo quy định của pháp luật nhưng không thu thập các chứng từ liên quan hoạt động mua bán, sản xuất kinh doanh được pháp luật công nhận (báo cáo tài chính nộp thuế, các tờ khai thuế GTGT, hoá đơn đầu vào, đầu ra,...) để làm cơ sở thẩm định mục đích vay vốn và nguồn trả nợ của khách hàng.

Trách nhiệm liên quan: Sản phẩm cho vay dự án Gem Sky Word (ông Phùng Duy Khương - Giám đốc Khối KHCN); Sản phẩm cho vay TOPUP (ông DENIS SHEGAI-Trung tâm rủi ro tín dụng, ông DMYTRO KOLECHKO-Phó TGD kiêm Giám đốc Khối QTRR, bà Phan Mỹ Hạnh - Trung tâm sản phẩm cho vay thế chấp, ông Phùng Duy Khương - Phó TGD thường trực kiêm Giám đốc KHCN, ông Nguyễn Đức Vinh - Tổng Giám đốc).

2. Thanh tra về hoạt động tín dụng

Kết quả kiểm tra cho vay: Tổng dư nợ đến thời điểm 31/12/2023 tại VPB Chi nhánh Đồng Nai là 4.636.753 triệu đồng. Kết quả kiểm tra chọn mẫu 148 hồ sơ khách hàng với tổng dư nợ được kiểm tra tại thời điểm 31/12/2023 là 1.433.643 triệu đồng, chiếm 30,9% tổng dư nợ của VPB Chi nhánh Đồng Nai, cụ thể:

- Nợ nhóm 1 là: 110 khách hàng với tổng dư nợ 1.230.210 triệu đồng;
- Nợ nhóm 2 là: 21 khách hàng với tổng dư nợ 122.627 triệu đồng;
- Nợ xấu (3-5): 17 khách hàng với tổng dư nợ 80.806 triệu đồng;
- Ngoài ra, kiểm tra chọn mẫu nợ xử lý rủi ro: 24 khách hàng với tổng dư nợ xử lý rủi ro đang theo dõi ngoại bảng là 18.653 triệu đồng.

Vi phạm được phát hiện qua thanh tra: Tổng số hồ sơ có liên quan đến tồn tại, sai phạm: 124 khách hàng với tổng dư nợ có liên quan tại thời điểm 31/12/2023 là 1.160.114 triệu đồng, chiếm 80,9% so với tổng dư nợ cho vay được kiểm tra (*chi tiết tại Biểu 08 - Tổng hợp vi phạm về hoạt động cho vay*). Cụ thể như sau:

2.1. Về công tác thẩm định: Công tác thẩm định chưa chặt chẽ, chưa đầy đủ theo quy định tại Điều 17 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của NHNN Việt Nam đối với 111 khách hàng (263 khoản vay) với tổng dư nợ có liên quan đến 31/12/2023 là 1.047.425 triệu đồng (*Chi tiết từng trường hợp khách hàng tại phụ lục số 01 do Đoàn Thanh tra lập*), trong đó gồm các tồn tại, sai phạm chủ yếu sau:

- Đối với khách hàng cá nhân: Chưa thẩm định đầy đủ, cụ thể được phương án vay vốn và khả năng trả nợ của khách hàng; Thẩm định cho khách hàng vay vốn để mua BĐS, hoàn vốn mua BĐS nhưng thẩm định và phê duyệt cho vay căn cứ vào hợp đồng mua bán, chuyển nhượng BĐS không công chứng (giá trị hợp đồng công chứng thấp hơn nhiều so với giá trị hợp đồng không công chứng) dẫn đến chưa đầy đủ căn cứ để thẩm định, phê duyệt chính xác nhu cầu vay vốn của khách hàng; Thẩm định cho vay bổ sung vốn hoạt động kinh doanh, nguồn trả nợ từ hoạt động kinh doanh nhưng chỉ chung chung về doanh thu, lợi nhuận, chưa đánh giá được mô hình hoạt động kinh doanh, quy mô hoạt động và hiệu quả kinh doanh, không có đầy đủ hoá đơn, chứng từ, báo cáo tài chính làm cơ sở cho việc thẩm định tình hình hoạt động kinh doanh của khách hàng hoặc có chứng từ nhưng chỉ là các bảng tự kê của khách hàng (bảng kê hàng hoá mua vào, hàng hoá bán ra, bảng kê doanh thu, lợi nhuận.....) chưa đúng quy định của Bộ Tài chính dẫn đến chưa đầy đủ cơ sở để thẩm định hoạt động kinh doanh, khả năng trả nợ của khách hàng; Thẩm định khách hàng vay vốn bổ sung vốn kinh doanh, có nguồn thu nhập thường xuyên trả nợ nhưng lại thẩm định trả gốc

cuối kỳ, thời gian ân hạn trả nợ gốc dài (từ 12 đến 24 tháng) nhưng chưa thẩm định cụ thể việc ân hạn trả nợ gốc như thế nào, thời gian ân hạn một số trường hợp bằng cả thời gian cho vay; Thẩm định chưa đầy đủ, cụ thể việc vay và trả nợ của khách hàng tại các TCTD khác để cân đối khả năng trả nợ của khách hàng; Thẩm định chưa đầy đủ, chặt chẽ và chính xác tình hình tài chính, nguồn thu nhập để trả nợ của khách hàng dẫn đến sau cho vay khách hàng suy giảm khả năng tài chính, phát sinh nợ quá hạn, nợ xấu.

- Đối với các khách hàng doanh nghiệp: Chưa thẩm định đầy đủ và chặt chẽ tình hình tài chính, hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp; Thẩm định số liệu một số thời điểm chưa sát với thời điểm thẩm định và cho vay để đánh giá chính xác tình hình tài chính và kế hoạch vay vốn của doanh nghiệp; Thẩm định tình hình tài chính, kế hoạch kinh doanh, phương án vay vốn chủ yếu dựa vào báo cáo tài chính nội bộ của công ty, chưa theo tờ khai thuế giá trị gia tăng, chưa thu thập chứng từ (các hợp đồng kinh tế) để thẩm định đầy đủ thị trường đầu vào và đầu ra, làm cơ sở thẩm định dự phóng kế hoạch kinh doanh của công ty; Chưa thẩm định các rủi ro liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh và đề ra giải pháp hạn chế rủi ro, đảm bảo an toàn cho khoản vay. Thẩm định tình hình dư nợ tại các TCTD nhưng chưa thẩm định cụ thể tình hình vay vốn tại các TCTD (hạn mức vay, mục đích, thời hạn, tình hình trả nợ,...) để xác định chính xác nhu cầu vay vốn và cân đối nguồn trả nợ của doanh nghiệp.

Trách nhiệm liên quan đến công tác đề xuất, thẩm định, phê duyệt cho vay (cụ thể theo biểu tổng hợp các vi phạm về hoạt động cho vay-Biểu 08 kèm theo)

2.2. Về bảo đảm tiền vay

Cho khách hàng vay vốn nhận thế chấp tài sản là QSD đất nhưng chưa thực hiện đăng ký giao dịch đảm bảo theo quy định tại khoản 1 Điều 25 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP ngày 30/11/2022 của Chính phủ về đăng ký biện pháp đảm bảo, cụ thể đối với khách hàng Đinh Quang Hiệu, HĐTĐ số LN2309120237176 ngày 18/09/2023, dư nợ 2.600 triệu đồng, HĐTĐ số LN2309120237176 ngày 20/9/2023 (thế chấp QSD đất số DM 458645 tại thửa đất số 129 tờ bản đồ số 42 tại phường Thống Nhất, Biên Hoà, Đồng Nai).

Thực hiện rút bớt, thay thế TSĐB là QSD đất nhưng chưa thực hiện đăng ký thay đổi nội dung đăng ký giao dịch đảm bảo theo quy định tại khoản 1 Điều 18 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP ngày 30/11/2022 của Chính phủ về đăng ký biện pháp đảm bảo, cụ thể đối với khách hàng Chu Ngọc Trung, HĐTĐ số LN2112064838453 ngày 16/12/2021, dư nợ đã điều chuyển đi là 27.888 triệu đồng và HĐTĐ số 076229 ngày 16/11/2023, dư nợ 2.380 triệu đồng, gồm:

- HĐTĐ số 002116 ngày 15/12/2021, thế chấp 05 QSD đất với tổng giá trị là 8.789.357.000 đồng; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 01/PLHĐ ngày 03/8/2022, sửa đổi chỉ còn thế chấp 01 QSD đất số CY 521165, giá trị 1.057.230.000 đồng nhưng chưa đăng ký thay đổi nội dung đăng ký giao dịch đảm bảo.

- Hợp đồng thế chấp số 000065 ngày 07/01/2022, thế chấp QSD đất số CU 956835 tại thửa đất số 200, tờ bản đồ số 6, xã An Viễn, huyện Trảng Bom với tổng giá trị là 35.895.972.000 đồng, cấp tín dụng cao nhất 21.500 triệu đồng; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng số 01/PLHĐ, đảm bảo cho vay cao nhất là

24.000 triệu đồng. Tuy nhiên, theo biên bản định giá tài sản ngày 16/11/2023 giữa VPB Chi nhánh Đồng Nai và khách hàng, định giá QSD đất số DH 315086 cùng thuộc thửa đất số 200, tờ bản đồ số 6, xã An Viễn, Trảng Bom, giá trị 35.895.972.000 đồng; Thay đổi số sổ QSD đất (CU 956835 sang thành số DH 315086) nhưng chưa thực hiện ký thay đổi hợp đồng thế chấp và nội dung đăng ký giao dịch đảm bảo.

Trách nhiệm liên quan đến công tác bảo đảm tiền vay (cụ thể theo biểu tổng hợp các vi phạm về hoạt động cho vay - Biểu 08 kèm theo)

2.3. Về công tác kiểm tra sử dụng vốn vay

Thực hiện kiểm tra, giám sát vốn vay chưa đầy đủ, chặt chẽ, chưa đáp ứng theo đúng quy định tại Điều 24 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của NHNN Việt Nam đối với 101 khách hàng (237 khoản vay) với tổng dư có liên quan đến 31/12/2023 là 915.848 triệu đồng (*Chi tiết từng khách hàng theo phụ lục số 02 do Đoàn Thanh tra lập kèm theo*), trong đó gồm những tồn tại, sai phạm chủ yếu sau:

- Đối với khách hàng cá nhân

+ Kiểm tra trước và trong khi cho vay:

◊ Thu thập chứng từ chứng minh hoạt động sản xuất kinh doanh (cho vay bổ sung vốn kinh doanh hoặc có nguồn trả nợ từ hoạt động kinh doanh) trước khi thẩm định và phê duyệt cho vay là các bảng tự kê của khách hàng (bảng kê hàng hoá mua vào, hàng hoá bán ra, bảng kê doanh thu, lợi nhuận.....) theo tên sản phẩm, số lượng, đơn giá và thành tiền thuộc đối tượng hàng hoá, dịch vụ mua vào không có hoá đơn nhưng chưa đầy đủ thông tin theo mẫu quy định tại Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính Phủ quy định và hướng dẫn thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp.

◊ Các hộ kinh doanh (có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) chưa thực hiện lập đầy đủ nội dung thông tin để theo dõi hoạt động sản xuất kinh doanh là chưa đúng quy định về mẫu biểu theo quy định tại Thông tư 88/2021/TT-BTC ngày 11/10/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán cho các hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh.

Việc kiểm tra trước và trong khi cho vay để thu thập chứng từ, tài liệu phục vụ cho công tác thẩm định và phê duyệt cho vay nhưng chưa đầy đủ, chặt chẽ, chưa phù hợp theo quy định của pháp luật về hoá đơn, chứng từ dẫn đến chưa xác định chính xác nhu cầu vay vốn, hiệu quả việc sử dụng vốn vay và khả năng trả nợ của khách hàng. Riêng đối với sản phẩm cho vay TOPUP, mục đích cho vay chủ yếu là tiêu dùng cá nhân (mua các vật dụng gia đình như tivi, tủ lạnh, bàn, ghế,...), chứng từ chỉ là các bảng kê của khách hàng, hoá đơn bán lẻ, hợp đồng mua bán, biên bản giao nhận hàng hóa....và giao cho đơn vị kinh doanh chịu trách nhiệm tính chính xác và xác thực hồ sơ vay vốn là chưa đầy đủ cơ sở để thẩm định phương án vay vốn và khả năng trả nợ của khách hàng.

+ Kiểm tra sau cho vay: Chưa kiểm tra hoặc kiểm tra nhưng chưa đầy đủ và chặt chẽ theo quy định khi các biên bản kiểm tra vay vốn sau cho vay (theo mẫu của VPB), chỉ kiểm tra chung chung thông tin về HĐTD/KUNN, đánh giá

đúng mục đích. Chưa kiểm tra, đánh giá cụ thể việc giải ngân cho khách hàng như thế nào, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính và khả năng trả nợ của khách hàng; Kiểm tra nhưng chưa thu thập các chứng từ liên quan để làm cơ sở cho việc kiểm tra (Các báo cáo nộp thuế, sổ sách theo dõi hàng hoá nhập, xuất, tồn,... để làm căn cứ kiểm tra tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính của cá nhân, hộ gia đình; Chứng từ chứng minh mục đích sử dụng vốn vay chưa đủ cơ sở để xác định mục đích sử dụng vốn của khách hàng khi chỉ là các bảng đánh máy tự kê hàng hoá dịch vụ chưa đầy đủ thông tin theo quy định pháp luật hoặc mua, chuyển nhượng QSD đất nhưng hợp đồng mua bán không có công chứng, QSD đất chưa sang tên...); Chưa kiểm tra, đánh giá định kỳ tình hình vay vốn của khách hàng tại các TCTD khác để đánh giá bổ sung khả năng trả nợ của khách hàng.

Công tác kiểm tra sau cho vay chưa đánh giá đầy đủ, chặt chẽ việc thực hiện các thoả thuận tư vấn liên quan đến khách hàng đối với dự án Gem Sky World dẫn đến chưa kiểm soát được dòng tiền vốn vay của khách hàng, rủi ro có thể phát sinh việc chiếm dụng vốn, ảnh hưởng đến việc vay vốn và trả nợ của khách hàng khi Công ty Đất Xanh chưa thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán theo thoả thuận tư vấn với khách hàng, theo thoả thuận giữa ba bên (Công ty Đất Xanh, VPB và khách hàng).

- Đối với khách hàng doanh nghiệp: Thực hiện kiểm tra định kỳ sau cho vay theo mẫu của VPB, chỉ kiểm tra chung chung khách hàng sử dụng vốn đúng mục đích, tình hình giải ngân, bảng kê hoá đơn; Đánh giá tổng quan hoạt động doanh nghiệp ổn định, không thay đổi theo các tiêu chí nhưng không có cụ thể số liệu và tài liệu, chứng từ chứng minh. Thu thập một số tài liệu chứng từ liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính doanh nghiệp và tình hình dư nợ cho vay tại các TCTD khác nhưng chưa kiểm tra, đánh giá đầy đủ các nội dung vào biên bản kiểm tra định kỳ để theo dõi đầy đủ, chính xác thực trạng hoạt động, việc sử dụng vốn vay của doanh nghiệp nhằm có đề xuất, kiến nghị các biện pháp xử lý kịp thời khi có những sự biến động bất thường. Chưa kiểm tra định kỳ đầy đủ, cụ thể tình hình tài chính và hoạt động sản xuất kinh doanh của khách hàng.

Trách nhiệm liên quan đến công tác kiểm tra sử dụng vốn vay (cụ thể theo biểu tổng hợp các vi phạm về hoạt động cho vay - Biểu 08 kèm theo).

2.4. Về sử dụng vốn sai mục đích: Khách hàng vay vốn để thanh toán chuyển nhượng QSD đất (đã có hợp đồng công chứng mua bán); Tuy nhiên, do một số yếu tố bất khả kháng dẫn đến việc chuyển nhượng không thể thực hiện được, khách hàng đã không sử dụng vốn đúng mục đích theo thoả thuận của hợp đồng tín dụng là vi phạm về nguyên tắc cho vay, vay vốn quy định tại khoản 2 Điều 4 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của NHNN Việt Nam, cụ thể đối với khách hàng Nguyễn Quốc Tri, HĐTD số LN2105143736978 ngày 04/06/2021, dư nợ 4.500 triệu đồng; Chứng từ giải ngân là Hợp đồng chuyển nhượng QSD đất ngày 03/6/2021, Ngô Thành Danh chuyển nhượng cho Nguyễn Quốc Tri QSD đất số CX002708 tại thửa đất số 15, tờ bản đồ số 10, phường

Uyên Hưng, Tân Uyên, Bình Dương; Kết quả kiểm tra xác minh thực tế, khách hàng xác nhận giao dịch mua bán không thành công.

Trách nhiệm liên quan đến việc để khách hàng sử dụng vốn sai mục đích (cụ thể theo biểu tổng hợp các vi phạm về hoạt động cho vay - Biểu 08 kèm theo)

2.5. Về công tác phân loại nợ

VPB Chi nhánh Đồng Nai thực hiện phân loại nợ không đúng quy định tại khoản 1 Điều 10 Thông tư số 11/2021/TT-NHNN ngày 30/7/2021 của NHNN Việt Nam quy định về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với 08 khách hàng với tổng dư nợ có liên quan là 50.291,5 triệu đồng, cụ thể:

(1). Đoàn Thái Hoà, HĐTD số LD2209700870 ngày 04/7/2022, số tiền vay: 4.081,3 triệu đồng, dư nợ đến 31/12/2023 là 4.081,3 triệu đồng.

- Kỳ trả lãi ngày 15/6/2023, khách hàng chưa trả lãi theo HĐTD; Đến 29/9/2023, khách hàng mới trả nợ kỳ trả lãi ngày 15/6/2023, quá hạn trên 90 ngày; VPB Chi nhánh Đồng Nai phân loại nợ nhóm 2; Kết quả thanh tra phân loại nợ nhóm 3.

- Đến 31/10/2023, khách hàng mới trả nợ kỳ trả lãi ngày 15/7/2023, quá hạn trên 90 ngày; VPB Chi nhánh Đồng Nai phân loại nợ nhóm 2; Kết quả thanh tra phân loại nợ nhóm 3.

- Đến 31/12/2023, đã quá hạn trên 90 ngày; VPB Chi nhánh Đồng Nai phân loại nợ nhóm 2; Kết quả thanh tra phân loại nợ nhóm 3.

(2). Nguyễn Xuân Lan, HĐTD số LN2210056987431 ngày 10/10/2022, số tiền vay: 11.000 triệu đồng, dư nợ đến 31/12/2023 là 10.923,6 triệu đồng.

- Kỳ thanh toán lãi ngày 15/5/2023 thì đến ngày 26/5/2023, khách hàng mới thực hiện thanh toán (quá hạn trên 10 ngày); Đến 31/5/2023, VPB Chi nhánh Đồng Nai phân loại nợ ở nhóm 1; Kết quả thanh tra phân loại nợ nhóm 2.

- Kỳ thanh toán ngày 15/6/2023 và ngày 15/7/2023 thì đến ngày 15/8/2023, khách hàng mới thực hiện thanh toán trả lãi; Đến 31/7/2023, khách hàng đã quá hạn trên 30 ngày, VPB Chi nhánh Đồng Nai phân loại nợ nhóm 1; Kết quả thanh tra phân loại nợ nhóm 2.

- Đến 31/12/2023, VPB Chi nhánh Đồng Nai đang phân loại nợ khách hàng nhóm 3.

(3). Trương Thanh Bình, HĐTD số LN2111174724369 ngày 30/11/2021, số tiền cho vay 2.015 triệu đồng, dư nợ đến 31/12/2023 là 2.015 triệu đồng;

- Từ kỳ thanh toán lãi ngày 15/6/2023 đến ngày 15/9/2023, khách hàng chưa trả lãi theo HĐTD. Đến ngày 29/9/2023, khách hàng mới thanh toán lãi quá hạn kỳ ngày 15/6/2023, đã quá hạn trả lãi 110 ngày, VPB Chi nhánh Đồng Nai phân loại nợ ở nhóm 2; Kết quả thanh tra phân loại nợ nhóm 3.

- Tiếp tục đến 31/10/2023, khách hàng mới thanh toán kỳ lãi của tháng 07/2023; Đến 30/11/2023, khách hàng mới thanh toán kỳ lãi của tháng 08/2023; Đến 20/12/2023, khách hàng mới thanh toán kỳ lãi của tháng 09/2023.

- Đến 31/12/2023, đã quá hạn trả lãi trên 90 ngày; VPB Chi nhánh Đồng Nai đang phân loại nợ ở nhóm 2; Kết quả thanh tra phân loại nợ nhóm 3.

(4). Hoàng Cao Bình, HĐTD số LN2301068090376 ngày 14/01/2023, số tiền cho vay: 1.800 triệu đồng, dư nợ đến 31/12/2023 là 1.800 triệu đồng.

- Kỳ thanh toán lãi ngày 15/4/2023, khách hàng phải trả lãi số tiền 22.625.753 đồng nhưng khách hàng chỉ thanh toán được 01 phần lãi với số tiền khoảng 6 triệu đồng; Các kỳ thanh toán lãi sau khách hàng cũng không thanh toán đủ lãi theo HĐTD.

- Đến kỳ phân loại nợ tháng 9/2023 (thời điểm 30/9/2023), khách hàng đã quá hạn trả nợ trên 150 ngày (tính từ thời điểm đến hạn kỳ thanh toán lãi ngày 15/4/2023 nhưng không trả đủ theo HĐTD); VPB Chi nhánh Đồng Nai phân loại nợ nhóm 2; Kết quả thanh tra phân loại nợ nhóm 3.

- Đến 31/12/2023, VPB Chi nhánh Đồng Nai đang phân loại nợ khách hàng ở nhóm 4.

(5). Nguyễn Thị Trang, HĐTD số LN2209156772090 ngày 03/10/2022, số tiền cho vay 2.776 triệu đồng, dư nợ đến 31/12/2023 là 2.776 triệu đồng;

- Từ kỳ thanh toán lãi ngày 15/6/2023 đến ngày 15/9/2023, khách hàng chưa trả lãi theo HĐTD. Đến ngày 29/9/2023, khách hàng mới thanh toán lãi quá hạn kỳ ngày 15/6/2023, đã quá hạn trả lãi trên 90 ngày; VPB Chi nhánh Đồng Nai phân loại nợ ở nhóm 2; Kết quả thanh tra phân loại nợ nhóm 3.

- Tiếp tục đến 31/10/2023, khách hàng mới thanh toán kỳ lãi của tháng 07/2023; Đến 30/11/2023, khách hàng mới thanh toán kỳ lãi của tháng 08/2023; Đến 20/12/2023, khách hàng mới thanh toán kỳ lãi của tháng 09/2023.

- Đến 31/12/2023, đã quá hạn trả lãi trên 90 ngày; VPB Chi nhánh Đồng Nai đang phân loại nợ ở nhóm 2; Kết quả thanh tra phân loại nợ nhóm 3.

(6). Lê Văn Hào, HĐTD số LN2111034636697 ngày 18/11/2021, số tiền cho vay: 2.719 triệu đồng, dư nợ đến 31/12/2023 là 2.619,26 triệu đồng.

- Tại các kỳ trả nợ ngày 15/06/2023, 15/07/2023, 15/08/2023, 15/09/2023 khách hàng không trả được nợ (lãi) theo lịch trả nợ. Đến ngày 29/09/2023, khách hàng trả lãi 23.153.629 đồng (tiền lãi quá hạn kỳ trả nợ tháng 6/2023), đã quá hạn trả nợ lãi trên 90 ngày; VPB Chi nhánh Đồng Nai phân loại nợ khách hàng nhóm 2 ; Kết quả thanh tra phân loại nợ ở nhóm 3.

- Tiếp tục đến 31/10/2023, khách hàng mới thanh toán kỳ lãi của kỳ tháng 07/2023. Đến 30/11/2023, khách hàng mới thanh toán kỳ lãi của tháng 08/2023, đã quá hạn trả lãi trên 90 ngày; VPB Chi nhánh Đồng Nai phân loại nợ ở nhóm 2; Kết quả thanh tra phân loại nợ nhóm 3.

- Đến 31/12/2023, VPB Chi nhánh Đồng Nai đang phân loại nợ khách hàng ở nhóm 3.

(7). Đỗ Duy Linh, HĐTD số LN2207276340663 ngày 29/07/2022, số tiền vay: 2.169,9 triệu đồng, dư nợ đến 31/12/2023 là 2.169,9 triệu đồng; Và HĐTD số LN2207026127110 ngày 02/8/2022, số tiền vay: 1.998,9 triệu đồng, dư nợ đến 31/12/2023 là 1.998,9 triệu đồng.

- Kỳ thanh toán lãi ngày 15/6/2023 thì đến ngày 29/9/2023 mới thực hiện thanh toán; Đến 30/9/2023, quá hạn trên 90 ngày, VPB Chi nhánh Đồng Nai phân loại nợ khách hàng ở nhóm 2; Kết quả thanh tra phân loại nợ nhóm 3.

- Đến 31/12/2023, VPB Chi nhánh Đồng Nai đang phân loại nợ khách hàng ở nhóm 3.

(8). Nguyễn Thế Sang, HĐTD số LN2303298766552 ngày 05/04/2023, số tiền vay: 19.230 triệu đồng, dư nợ đến 31/12/2023 là 19.230 triệu đồng; Và HĐTD số 10070290 ngày 10/11/2023, số tiền vay: 2.700 triệu đồng, dư nợ đến 31/12/2023 là 2.677,5 triệu đồng.

- Kỳ thanh toán nợ lãi ngày 10/07/2023; Đến ngày 28/10/2023, khách hàng mới trả nợ lãi, quá hạn nợ lãi trên 90 ngày (từ ngày 10/07/2023 đến ngày 28/10/2023), VPB Chi nhánh Đồng Nai phân loại nợ ở nhóm 2; Kết quả thanh tra phân loại nợ nhóm 3;

- Đến 31/12/2023, VPB Chi nhánh Đồng Nai phải phân loại nợ khách hàng ở nhóm 3 trong khi vẫn phân loại nợ ở nhóm 2.

Trách nhiệm liên quan đến công tác phân loại nợ không đúng quy định của pháp luật thuộc về các cá nhân, lãnh đạo phê duyệt của Khối Quản trị rủi ro Hội sở VPB.

2.6. Về sai phạm khác: Đối với 47 khách hàng (106 khoản vay) với tổng dư nợ 401.378 triệu đồng, trong đó:

2.6.1. Về hồ sơ vay vốn: Cho khách hàng vay vốn để bổ sung vốn hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc có nguồn trả nợ từ hoạt động sản xuất kinh doanh nhưng chưa yêu cầu khách hàng cung cấp và thu thập các hồ sơ, tài liệu liên quan đến công tác cho vay như: Thiếu giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc chỉ có xác nhận của UBND phường, xã); Chưa thu thập đầy đủ hồ sơ chứng minh khả năng tài chính và nguồn trả nợ của khách hàng (báo cáo thuế, biên lai nộp thuế, sổ sách kế toán, các hóa đơn mua, bán hàng hoá,...) theo quy định của Bộ Tài chính; Cho khách hàng vay vốn để thanh toán, hoàn vốn thanh toán chuyển nhượng QSD đất nhưng chưa cung cấp và thu thập các QSD đất đã sang tên khách hàng. Hồ sơ vay vốn chưa đầy đủ theo quy định tại Điều 9 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của NHNN Việt Nam đối với 39 khách hàng (93 khoản vay) với tổng dư nợ 370.127 triệu đồng. *Chi tiết từng trường hợp khách hàng tại phụ lục số 03 do Đoàn Thanh tra lập kèm theo.*

2.6.2. Công tác giải ngân chưa đúng quy định đối với 04 khách hàng (04 khoản vay) với tổng dư nợ 12.676 triệu đồng, cụ thể:

- Thực hiện giải ngân cho khách hàng nhưng chưa thu thập chứng từ chứng minh khách hàng sử dụng vốn tự có để thanh toán các đợt theo như thỏa thuận tư vấn đối với dự án Gem Sky World đối với khách hàng Nguyễn Thị Trang, HĐTD số LN2209156772090, dư nợ 2.776 triệu đồng; Trương Thanh Bình, HĐTD số LN2111174724369, dư nợ 2.015 triệu đồng.

- Thực hiện giải ngân cho khách hàng bằng tiền mặt nhưng không có giấy lĩnh tiền của khách hàng, không có chứng từ chứng minh việc khách hàng đã

thanh toán cho bên bán, cụ thể đối với khách hàng Phạm Công Mạnh, HĐTD số LN2312061129806, dư nợ 2.000 triệu đồng.

- Thực hiện giải ngân bổ sung vốn kinh doanh nông sản bằng chuyển khoản vào bên thụ hưởng nhưng không có chứng từ uỷ nhiệm chi, cụ thể đối với khách hàng Trần Bá Mùi, HĐTD số LN2210277237460, dư nợ 7.900 triệu đồng.

2.6.3. Công tác xử lý nợ có vấn đề chưa đầy đủ đối với 03 khách hàng (08 khoản vay) với tổng dư nợ 25.737 triệu đồng, cụ thể:

Chưa thực hiện đầy đủ các hồ sơ, tài liệu ở từng khâu/từng bước xử lý nợ như: Thiếu biên bản làm việc, báo cáo định kỳ, tờ trình, nghị quyết, phê duyệt phương án/biện pháp xử lý/thu hồi nợ đối với từng khách hàng; Báo cáo tiến độ, đánh giá tình hình, kết quả xử lý nợ có vấn đề của các khách hàng tại Chi nhánh..., đơn cử đối với 03 khách hàng: Bùi Thị Thoi, HĐTD số LN2208086427595, dư nợ 10.500 triệu đồng và HĐTD số LN2312061119527, dư nợ 1.500 triệu đồng; Nguyễn Thị Điệp, HĐTD số LN2302098314569, dư nợ 4.800 triệu đồng và HĐTD số LN2309050168975, dư nợ 975 triệu đồng; Nguyễn Thanh Hải, HĐTD số LN2302288489589, dư nợ 3.512 triệu đồng và HĐTD số LN2303018500670, dư nợ 2.900 triệu đồng và HĐTD số LN2303018501047, dư nợ 550 triệu đồng và HĐTD số LN2303178657264, dư nợ 1.000 triệu đồng.

2.6.4. Thực hiện phê duyệt cấp tín dụng nhưng vẫn đưa ra điều kiện ràng buộc khách hàng tham gia bảo hiểm nhân thọ là chưa tách bạch giữa hoạt động đại lý bảo hiểm và hoạt động cấp tín dụng; Chưa đúng với chủ trương của NHNN Việt Nam về việc hoạt động đại lý bảo hiểm và hoạt động cấp tín dụng trong lĩnh vực ngân hàng, cụ thể đối với Công ty TNHH Thương mại dịch vụ - Xuất nhập khẩu Kim Mỹ Phát, dư nợ 1.600 triệu đồng, tại Phê duyệt cấp tín dụng ngày 17/10/2022 đưa ra điều kiện cấp tín dụng "*Thành viên góp vốn chính hoặc thành viên góp vốn cao nhất tham gia bảo hiểm nhân thọ từ kỳ dài hạn phù hợp với giá trị vay, thời hạn vay của DN và hoàn tất thủ tục tham gia bảo hiểm và chuyển quyền thụ hưởng cho VPB*".

2.6.5. Thực hiện cơ cấu nợ Covid-19 chưa đầy đủ theo quy định tại hướng dẫn số 15/2020/HD-TGD ngày 25/03/2020 của Tổng Giám đốc VPB đối với 05 hồ sơ khách hàng với tổng dư nợ là sai phạm là 1.305 triệu đồng khi chưa có đầy đủ hồ sơ, tài liệu chứng minh khách hàng thuộc đối tượng chịu ảnh hưởng của dịch Covid-19; Chưa có các báo cáo đánh giá của ĐVKD về khả năng trả nợ đảm bảo khả năng trả nợ gốc/lãi theo thời hạn đã được cơ cấu lại.

Trách nhiệm liên quan về sai phạm khác cụ thể theo biểu tổng hợp các vi phạm về hoạt động cho vay - Biểu 08 kèm theo.

2.7. Về cảnh báo rủi ro

- Cảnh báo rủi ro đối với việc thẩm định, định giá tài sản đảm bảo là các quyền sử dụng đất khi:

+ Các biên bản định giá tài sản đảm bảo của VPB Chi nhánh Đồng Nai chủ yếu căn cứ vào các báo cáo tư vấn về giá TSĐB của các chuyên gia thuộc Công ty TNHH Thịnh Điền; Thẩm định, định giá TSĐB là các QSD đất theo phương pháp so sánh, tham khảo các BĐS gần khu vực TSĐB (thông tin tham khảo là người bán, số điện thoại và đường dẫn trang web www.batdongsan.com)

nhưng không có các thông tin cụ thể từ trang web để làm cơ sở xác định giá trị TSDB. Chưa thu thập các chứng từ, tài liệu và các thông tin cụ thể để làm cơ sở cho việc định giá: Các thông tin mua bán trên các phương tiện thông tin đại chúng có uy tín (báo, đài, trang web,...), các giao dịch mua, bán gần khu vực đó đã ở trạng thái thành công để xác định chính xác giá trị TSDB; Một số trường hợp định giá cao hơn nhiều lần so với giá của UBND tỉnh trong từng thời kỳ.

+ Định giá tài sản đảm bảo là các QSD đất chưa đầy đủ như trên dẫn đến xác định giá trị tài sản đảm bảo có thể cao hơn giá trị đang giao dịch thực tế, gây rủi ro trong việc xử lý tài sản đảm bảo khi khách hàng không có khả năng trả nợ.

- Cảnh báo rủi ro trong việc cho vay đối với Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Xuất nhập khẩu Kim Mỹ Phát khi phát sinh doanh số bán hàng đối với nhóm khách hàng liên quan (chiếm đến 64% tổng doanh số phát sinh trong năm 2023) chủ yếu là các Công ty TNHH TM-DV Thành Mỹ Phát, Công ty TNHH SX TM DV KKP; Cơ cấu vốn của Công ty chủ yếu đến nợ phải trả và chiếm tỷ trọng lớn trong tổng nguồn vốn của Công ty (năm 2022 chiếm 82,5%/tổng nguồn vốn, năm 2023 chiếm 81,7%/tổng nguồn vốn), tỷ lệ vay và nợ thuê tài chính đến 31/12/2023 chiếm đến 74,4%/tổng nguồn vốn). VPB Chi nhánh Đồng Nai cần thiết xem xét, đánh giá lại nhu cầu vốn vay và khả năng trả nợ vay ngắn hạn của Công ty; Đồng thời tăng cường công tác kiểm tra, giám sát vốn vay để có những biện pháp ứng xử tín dụng phù hợp.

- Cảnh báo rủi ro về tăng trưởng tín dụng tại VPB Chi nhánh Đồng Nai như sau:

+ Đến 31/12/2023, tổng dư nợ cho vay đạt 4.636.753 triệu đồng, so với thời điểm 31/12/2022 tăng 107%, so với thời điểm 31/12/2021 tăng 337%, so với thời điểm 31/12/2020 tăng 393%. Nợ xấu (nhóm 3-5) là 111.975 triệu đồng, chiếm 2,41%/tổng dư nợ, so với thời điểm 31/12/2022 tăng 381,1%; so với thời điểm 31/12/2021 tăng 501,9%; và so với thời điểm 31/12/2020 tăng 795,1%. Dư nợ gốc bị tổn thất đang trong thời gian theo dõi (ngoại bảng) là 94.389 triệu đồng, so với thời điểm 31/12/2022 tăng 27,7%; so với thời điểm 31/12/2021 tăng 12,8%; và so với thời điểm 31/12/2020 tăng 53,3%.

+ Tăng trưởng tín dụng tại VPB Chi nhánh Đồng Nai qua các thời điểm trong thời kỳ thanh tra có tốc độ nhanh trong khi tình hình nợ xấu tăng mạnh qua các thời điểm, việc sử dụng dự phòng rủi ro đối với các khoản vay không có khả năng trả nợ tương đối cao và ngày càng có xu hướng tăng, đặc biệt là đối với dư nợ cho vay tiêu dùng (chiếm đến 62,2% tổng dư nợ và nợ xấu chiếm tỷ lệ 3,5% trên tổng dư nợ cho vay tiêu dùng); Cơ cấu, tổ chức bộ máy của VPB Chi nhánh Đồng Nai và các đơn vị trực thuộc theo mô hình chuyên môn hoá phê duyệt tập trung theo từng khối khách hàng riêng; Các sản phẩm cho vay tại VPB thực hiện giao cho đơn vị kinh doanh chịu trách nhiệm tính chính xác và xác thực hồ sơ vay vốn (mục đích vay và nguồn trả nợ) trong khi thực tế đều áp dụng chứng từ là các bảng kê linh hoạt (khách hàng tự kê) dẫn đến chưa thẩm định chặt chẽ, chính xác mục đích vay vốn, nguồn trả nợ của khách hàng. Do đó, việc tăng trưởng tín dụng tại Chi nhánh qua các thời điểm thanh tra là tiềm ẩn rất nhiều rủi ro trong công tác quản lý khoản vay, quản lý chất lượng tín dụng.

3. Về công tác xử lý nợ có vấn đề

Trong thời kỳ thanh tra, VPB đã ban hành tương đối đầy đủ các quy định nội bộ về biện pháp xử lý đối với khoản cấp tín dụng có vấn đề theo quy định tại Điều 35 Thông tư số 13/2018/TT-NHNN, biện pháp thu hồi nợ theo quy định tại điểm i khoản 2 Điều 6 Thông tư số 11/2021/TT-NHNN.

Kết quả kiểm tra các hồ sơ xử lý nợ có vấn đề trong thời kỳ thanh tra tại VPB Chi nhánh Đồng Nai, nhận thấy đối với các khoản nợ quá hạn đến 90 ngày hoặc 150 ngày (*tùy theo đối tượng khách hàng và tài sản thế chấp*), VPB chủ yếu áp dụng hình thức nhắc nợ tự động, nhắc nợ qua điện thoại, làm việc thực địa (*thu hồi nợ tại hiện trường*) để đôn đốc thu hồi nợ; Sau thời gian quá hạn này, đơn vị quản lý, xử lý thu hồi nợ VPB mới chuyển sang các hình thức truy dấu thông tin khách hàng/thông tin tài sản, nguồn thu khác của khách hàng, thu hồi xử lý tài sản bảo đảm (*nếu Khách hàng có thế chấp tài sản bảo đảm*), khởi kiện, đề nghị thi hành án (*theo quy trình, quy định tại Điều 9, Quyết định số 50/2021/QĐi-TGD ngày 16/06/2021, Quyết định số 79/2021/QT-TGD, Quyết định số 61/2021/QT-TGD*). Tùy theo đối tượng được xử lý nợ, chất lượng/đặc điểm khoản nợ có vấn đề, VPB phân luồng xử lý/phân chia trách nhiệm xử lý nợ cụ thể đối với từng cá nhân, bộ phận tương ứng; Ngoài ra, VPB còn áp dụng công nghệ hỗ trợ trong công tác nhắc nợ (*hệ thống tự động gửi tin nhắn bằng file ghi âm giọng nói IVM, gửi thư điện tử theo tần suất quy định Ebank Util*) và đôn đốc trả nợ. VPB áp dụng linh hoạt và phối hợp nhiều biện pháp xử lý nợ như đôn đốc, thu giữ/xử lý TSBĐ (*nếu có*), truy dấu, khởi kiện, tố giác...

Kết quả kiểm tra chọn mẫu các hồ sơ tín dụng nhận thấy về cơ bản công tác xử lý nợ có vấn đề được VPB Chi nhánh Đồng Nai và các đơn vị trong hệ thống tại Chi nhánh quan tâm thực hiện theo đúng các quy định nội bộ về quản lý, xử lý nợ có vấn đề của VPB. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện công tác xử lý nợ có vấn đề, vẫn còn một số tồn tại như sau:

- VPB chưa thực hiện đầy đủ các hồ sơ, tài liệu ở từng khâu/từng bước xử lý nợ như: *Thiếu biên bản làm việc, báo cáo định kỳ, tờ trình, nghị quyết, phê duyệt phương án/biện pháp xử lý/thu hồi nợ đối với từng khách hàng; Báo cáo tiến độ, đánh giá tình hình, kết quả xử lý nợ có vấn đề của các khách hàng tại Chi nhánh...*) nên không đánh giá được đầy đủ, toàn diện về hiệu quả xử lý nợ có vấn đề, đơn cử đối với 03 khách hàng đã nêu ở phần sai phạm khác về công tác cho vay: Bùi Thị Thoi, Nguyễn Thị Điệp và Nguyễn Thanh Hải.

- Đa số các khoản nợ có vấn đề chuyển thành nợ xấu, phải sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro là các khoản vay không có tài sản bảo đảm (*khách hàng cá nhân*) hoặc được bảo đảm bằng bảo lãnh của cá nhân (*khách hàng doanh nghiệp*); Các khoản vay này đều khó có khả năng thu hồi, thậm chí sau khi khởi kiện thành công và được thi hành án thì cũng khó thu hồi được nợ gốc. Trong một số trường hợp, VPB sau khi khởi kiện, phải rút đơn khởi kiện sau một thời gian; Tuy nhiên, không có phê duyệt về việc rút đơn khởi kiện cũng như các biện pháp xử lý tiếp theo sau khi rút đơn.

4. Về công tác thực hiện bảo lãnh

Tổng số dư bảo lãnh đến thời điểm 31/12/2023 đạt 40.633 triệu đồng, so với thời điểm 31/12/2020 tăng 14.827 triệu đồng, tỷ lệ tăng 57,5%; so với thời điểm 31/12/2021 tăng 27.108 triệu đồng, tỷ lệ tăng 200%; so với thời điểm 31/12/2022 tăng 28.814 triệu đồng, tỷ lệ tăng 243,8%. Trong đó:

- Bảo lãnh thư tín dụng L/C là 32.415 triệu đồng, so với thời điểm 31/12/2020 tăng 32.415 triệu đồng, tỷ lệ tăng 100%; so với thời điểm 31/12/2021 tăng 27.180 triệu đồng, tỷ lệ tăng 519%; so với thời điểm 31/12/2022 tăng 32.415 triệu đồng, tỷ lệ tăng 100%.

- Bảo lãnh thực hiện hợp đồng là 1.549 triệu đồng, so với thời điểm 31/12/2020 tăng 276 triệu đồng, tỷ lệ tăng 21,7%; so với thời điểm 31/12/2021 tăng 1.048,7 triệu đồng, tỷ lệ tăng 209%; so với thời điểm 31/12/2022 giảm 77,3 triệu đồng, tỷ lệ giảm 4,7%.

- Bảo lãnh thanh toán là 3.710 triệu đồng, so với thời điểm 31/12/2020 giảm 20.488 triệu đồng, tỷ lệ giảm 84,7%; so với thời điểm 31/12/2021 giảm 4.013 triệu đồng, tỷ lệ giảm 52%; so với thời điểm 31/12/2022 tăng 733,6 triệu đồng, tỷ lệ tăng 24,6%.

- Bảo lãnh dự thầu là 19 triệu đồng, so với thời điểm 31/12/2020 và thời điểm 31/12/2021 đều tăng 19 triệu đồng, tỷ lệ tăng 100%; so với thời điểm 31/12/2022, giảm 1.541 triệu đồng, tỷ lệ giảm 98,8%.

- Bảo lãnh khác là 2.940 triệu đồng, so với thời điểm 31/12/2020 tăng 2.605 triệu đồng, tỷ lệ tăng 777%; so với thời điểm 31/12/2021 tăng 2.873,7 triệu đồng, tỷ lệ tăng 4.324%; so với thời điểm 31/12/2022 giảm 2.715,9 triệu đồng, tỷ lệ giảm 48%.

Kết quả kiểm tra chọn mẫu hồ sơ bảo lãnh đối với 05 Công ty với tổng số dư bảo lãnh đến 31/12/2023 là 8.218 triệu đồng nhận thấy VPB Chi nhánh Đồng Nai thực hiện cấp bảo lãnh thực hiện hợp đồng, bảo lãnh bảo hành, bảo lãnh dự thầu, bảo lãnh tạm ứng, bảo lãnh thanh toán đúng theo quy định tại Thông tư số 07/2015/TT-NHNN ngày 25/6/2015 của NHNN Việt Nam quy định về bảo lãnh ngân hàng; Thông tư số 13/2017/TT-NHNN ngày 29/9/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2015/TT-NHNN; Thông tư số 11/2022/TT-NHNN ngày 30/9/2022 của NHNN Việt Nam quy định về bảo lãnh ngân hàng.

II. Về công tác phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng để XLRR

1. Về ban hành quy định, chính sách nội bộ

Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng ban hành văn bản quy định phân loại tài sản có và trích lập dự phòng rủi ro tại VPB số 1636/2014/QĐĐi-HĐQT ngày 03/10/2014; Văn bản số 200/2021/QĐĐi-HĐQT ngày 30/9/2021 của HĐQT thay thế văn bản số 1636/2014/QĐĐi-HĐQT ngày 03/10/2014 và có hiệu lực kể từ ngày 01/10/2021.

2. Về công tác phân loại nợ

VPB Chi nhánh Đồng Nai thực hiện việc phân loại nợ, cam kết ngoại bảng, trích lập dự phòng rủi ro hàng tháng. Tình hình phân loại nợ của VPB Chi nhánh Đồng Nai qua một số thời điểm như sau:

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Thời điểm 31/12/2020	Thời điểm 31/12/2021	Thời điểm 31/12/2022	Thời điểm 31/12/2023
1. Tổng dư nợ nội bảng	939.794	1.061.129	2.241.027	4.636.753
- Nhóm 1	901.255	982.774	2.122.330	4.172.870
- Nhóm 2	26.758	59.754	95.424	351.908
- Nhóm 3	8.325	9.442	10.476	63.485
- Nhóm 4	2.481	8609	9.725	44.811
- Nhóm 5	975	551	3.073	3.679
2. Nợ xấu (3+4+5)	11.781	18.602	23.274	111.975
Tỷ lệ nợ xấu	1,25%	1,75%	1,04%	2,41%

Kết quả kiểm tra hồ sơ vay vốn còn dư nợ đến 31/12/2023 nhận thấy công tác phân loại nợ của VPB Chi nhánh Đồng Nai chưa đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Thông tư số 11/2021/TT-NHNN ngày 30/7/2021 của NHNN Việt Nam quy định về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với 08 khách hàng với tổng dư nợ 50.291,5 triệu đồng đã nêu tại Mục I Phần II Kết quả kiểm tra xác minh ở trên.

Qua đó, kết quả phân loại nợ đến 31/12/2023 như sau:

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Số liệu của VPB Chi nhánh Đồng Nai	Số liệu của Đoàn Thanh tra	Kết quả thanh tra so với báo cáo tăng (+), giảm (-)
1. Tổng dư nợ nội bảng	4.636.753	4.636.753	-
- Nhóm 1	4.172.870	4.172.870	-
- Nhóm 2	351.908	321.128	-30.780
- Nhóm 3	63.485	94.265	+ 30.780
- Nhóm 4	44.811	44.811	-
- Nhóm 5	3.679	3.679	-
2. Nợ xấu (3+4+5)	111.975	142.755	+ 30.780
Tỷ lệ nợ xấu	2,41%	3,08%	+0,67%

Ngoài ra, kết quả kiểm tra nhận thấy VPB Chi nhánh Đồng Nai thực hiện điều chuyển dư nợ về Hội sở VPB để xử lý nợ tập trung đối với các khoản nợ quá hạn, nợ xấu hoặc điều chuyển dư nợ đi tỉnh khác để quản lý khách hàng dẫn đến chưa xác định chính xác thực trạng dư nợ tín dụng tại VPB Chi nhánh Đồng Nai. Cụ thể:

- Năm 2020, 2021, 2022 chưa phát sinh điều chuyển dư nợ.
- Trong năm 2023, phát sinh điều chuyển dư nợ đi đối với 69 khách hàng với tổng dư nợ điều chuyển đi là 160.326 triệu đồng.
- Trong Quý I/2024, VPB Chi nhánh Đồng Nai điều chuyển đi đối với 84 khách hàng với tổng dư nợ điều chuyển đi là 76.869 triệu đồng.

Việc điều chuyển dư nợ cho vay đi đến Hội sở VPB và tỉnh khác phát sinh nhiều trường hợp khách hàng với dư nợ lớn trong năm 2023 và Quý I/2024 dẫn

đến việc xác định thực trạng nợ quá hạn, nợ xấu tại VPB Chi nhánh Đồng Nai là chưa chính xác; Công tác theo dõi, đơn đốc thu hồi nợ khách hàng tại VPB Chi nhánh Đồng Nai sẽ gặp nhiều khó khăn do tâm lý chủ quan, giảm trách nhiệm của nhân viên tín dụng.

3. Về trích lập dự phòng rủi ro tín dụng

VPB Chi nhánh Đồng Nai căn cứ kết quả phân loại nợ và thực hiện trích lập dự phòng rủi ro theo tháng, do đó căn cứ số liệu trên bảng cân đối tài khoản (tháng 01/2021, tháng 01/2022, tháng 01/2023, tháng 01/2024) và báo cáo phân loại nợ, trích lập dự phòng đến 31/12/2020, 31/12/2021, 31/12/2022 và đến 31/12/2023, số tiền trích lập dự phòng rủi ro như sau:

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Thời điểm 31/12/2020	Thời điểm 31/12/2021	Thời điểm 31/12/2022	Thời điểm 31/12/2023
Dự phòng cụ thể	2.725	11.954	7.093	28.711
Dự phòng chung	7.039	7.954	16.785	34.665

Kết quả kiểm tra công tác phân loại nợ chưa đúng quy định đối với 08 khách hàng đã nêu ở trên, trong đó có 04 trường hợp khách hàng chưa phân loại nợ đúng tại thời điểm 31/12/2023 dẫn đến việc trích lập dự phòng rủi ro chưa đúng quy định, trích thiếu dự phòng cụ thể số tiền 1.341,7 triệu đồng, cụ thể:

Đơn vị tính: triệu đồng

S T T	Khách hàng	Dư nợ đến 31/12/2 3	Nhóm nợ sau kết quả thanh tra	Giá trị TSDB	Số tiền đã trích	Số tiền phải trích theo kết quả thanh tra	Chênh lệch (thừa +, thiếu -)
1	Trương Thanh Bình						
	PDL2135900185	2.015	3	4.031,7 (Quyền tài sản)	40,3	161,1	-120,8
2	Nguyễn Thị Trang						
	LD2229300907	2.776,7	3	5.553,5 (Quyền tài sản)	55,5	222,1	-166,6
3	Đoàn Thái Hoà						
	LD2209700870	4.081,3	3	8.162,6 (Quyền tài sản)	81,6	326,5	-244,9
4	Nguyễn Thế Sang						
	LN2303298766552	19.230	3	28.986,5 (QSD đất)	236,8	947,3	-710,5
	LD2331401873	2.677,5	3	4.036 (QSD đất)	33	131,9	-98,9
	Tổng cộng				447,2	1.788,9	-1.341,7

VPB Chi nhánh Đồng Nai thực hiện trích lập dự phòng cụ thể thời điểm 31/12/2023 thiếu số tiền 1.341,7 triệu đồng là vi phạm quy định tại Điều 12 Thông tư số 11/2021/TT-NHNN ngày 30/7/2021 của NHNN Việt Nam quy định về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

4. Sử dụng dự phòng rủi ro

4.1. Công tác thực hiện sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng

Trong thời kỳ thanh tra, tổng dư nợ gốc đã xử lý rủi ro và đang hạch toán theo dõi ngoại bảng khớp với số dư trên tài khoản 9711 “Nợ gốc bị tổn thất đang trong thời gian theo dõi”. Cụ thể như sau:

- Thời điểm 31/12/2020, có 1.069 khách hàng được sử dụng dự phòng để thực hiện xử lý rủi ro tín dụng với tổng số nợ gốc đang hạch toán theo dõi ngoại bảng là 61.480 triệu đồng.

- Thời điểm 31/12/2021, có 1.518 khách hàng được sử dụng dự phòng để thực hiện xử lý rủi ro tín dụng với tổng số nợ gốc đang hạch toán theo dõi ngoại bảng là 83.709 triệu đồng.

- Thời điểm 31/12/2022, có 1.082 khách hàng được sử dụng dự phòng để thực hiện xử lý rủi ro tín dụng với tổng số nợ gốc đang hạch toán theo dõi ngoại bảng là 73.918 triệu đồng.

- Thời điểm 31/12/2023, có 1.031 khách hàng được sử dụng dự phòng để thực hiện xử lý rủi ro tín dụng với tổng số nợ gốc đang hạch toán theo dõi ngoại bảng là 94.389 triệu đồng.

Kết quả kiểm tra chọn mẫu kiểm tra hồ sơ xử lý rủi ro tại VPB Chi nhánh Đồng Nai đối với 24 khách hàng với tổng dư nợ đã xử lý rủi ro đang theo dõi ngoại bảng là 18.653 triệu đồng nhận thấy:

- Hội đồng xử lý rủi ro ban hành Nghị quyết để xử lý rủi ro các khách hàng theo từng thời kỳ căn cứ theo tờ trình chung các khách hàng toàn hệ thống của Khối quản trị rủi ro. Tuy nhiên, các tờ trình sử dụng dự phòng để thực hiện XLRR chỉ chung chung theo từng đợt kèm danh sách tổng hợp các khách hàng để sử dụng dự phòng rủi ro; Không trình cụ thể từng trường hợp khách hàng như thế nào (nguyên nhân, biện pháp thu hồi nợ, xử lý nợ có vấn đề, tình trạng tài sản đảm bảo, dự phòng cụ thể đã trích,...) để đảm bảo đúng theo nguyên tắc xử lý rủi ro quy định tại khoản 2 Điều 16 Thông tư số 11/2021/TT-NHNN ngày 30/7/2021 của NHNN Việt Nam quy định về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

- Hồ sơ chưa lưu giữ đầy đủ công tác xử lý nợ có vấn đề (Tờ trình, Báo cáo, Quyết định phê duyệt...) trước và sau khi thực hiện trình sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng.

- Về biện pháp thu hồi nợ sau khi xử lý rủi ro: Nghị quyết xử lý rủi ro các khách hàng ban hành đã đề ra các biện pháp nhằm thu hồi nợ xử lý rủi ro tương đối phù hợp với tình hình thực tế từng khoản nợ của khách hàng; Trong đó, bao gồm đơn đốc khách hàng trả nợ, truy dấu khách hàng, thu giữ, xử lý TSBĐ, khởi kiện, thi hành án... Các biện pháp thu hồi nợ được sử dụng linh động và phù hợp với quy định pháp luật hiện hành dẫn đến kết quả công tác thu hồi nợ ngoại bảng sau khi xử lý rủi ro của VPB Chi nhánh Đồng Nai cũng tương đối hiệu quả, số liệu thu hồi nợ có xu hướng tăng. Tuy nhiên, công tác thu hồi nợ sau khi xử lý rủi ro vẫn còn tồn tại như sau: Tại thời điểm kiểm tra, không có báo cáo tình hình XLRR của các đơn vị liên quan (*Đơn vị thu hồi nợ/Đơn vị kinh doanh/Đơn vị được VPB*

ủy thác thu hồi nợ) gửi báo cáo tình hình thu hồi nợ cho Phòng Giám sát tín dụng/Đơn vị quản lý sử dụng DPRR (*Khối Quản trị rủi ro*) để tổng hợp báo cáo Hội đồng xử lý rủi ro, HĐQT và Tổng Giám đốc theo quy định tại khoản 7 Điều 10 Quy định 1635/2014/QĐi-HĐQT ngày 03/10/2014 (*định kỳ 6 tháng*) hoặc khoản 2 Điều 9, khoản 3 Điều 10 Quy định số 201/2021/QĐi-HĐQT (*định kỳ hàng tháng*).

Trách nhiệm liên quan công tác thực hiện sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng thuộc về các cá nhân, lãnh đạo phê duyệt của Trung tâm Quản lý và thu hồi nợ; Trung tâm xử lý nợ pháp lý; Khối Quản trị rủi ro Hội sở VPB.

4.2. Công tác kiểm tra cho vay đối với các hồ sơ sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng

Kết quả kiểm tra công tác cho vay đối với 24 hồ sơ chọn mẫu kiểm tra sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng với tổng dư nợ đang theo dõi ngoại bảng là 18.653 triệu đồng nhận thấy:

- Công tác thẩm định chưa chặt chẽ, chưa đầy đủ theo quy định tại Điều 17 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của NHNN Việt Nam đối với 15 khách hàng với tổng dư nợ XLRR là 11.565 triệu đồng như sau: Chưa thẩm định cụ thể việc vay vốn và khả năng trả nợ của khách hàng; Thẩm định cho khách hàng vay vốn nhưng không lưu giữ các tài liệu liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh, nguồn trả nợ của khách hàng dẫn đến chưa đầy đủ căn cứ để thẩm định hiệu quả của việc sử dụng vốn vay của khách hàng dẫn đến sau cho vay khách hàng suy giảm khả năng tài chính, không có khả năng trả nợ, phải thực hiện sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng. *Chi tiết từng trường hợp khách hàng tại phụ lục số 01 do Đoàn Thanh tra lập kèm theo.*

- Công tác kiểm tra sử dụng vốn vay: Thực hiện kiểm tra, giám sát vốn vay chưa đầy đủ, chặt chẽ theo đúng quy định tại Điều 24 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của NHNN Việt Nam đối với 15 khách hàng với tổng dư nợ XLRR là 11.272 triệu đồng khi chỉ kiểm tra chung chung thông tin HĐTD, KUNN, khách hàng sử dụng đúng mục đích; Chưa kiểm tra cụ thể việc sử dụng vốn vay, tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính và nguồn trả nợ của khách hàng. *Chi tiết từng trường hợp khách hàng tại phụ lục số 02 do Đoàn Thanh tra lập kèm theo.*

5. Thanh tra công tác cơ cấu nợ do ảnh hưởng dịch bệnh Covid-19

5.1. Về việc ban hành các quy định về cơ cấu nợ hỗ trợ khách hàng ảnh hưởng bởi dịch Covid-19

Trong thời kỳ thanh tra, VPB Chi nhánh Đồng Nai triển khai thực hiện cơ cấu lại thời hạn trả nợ, giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng chịu ảnh hưởng do dịch Covid-19 theo quy định của VPB như sau:

- Hướng dẫn số 15/2020/HD-TGĐ ngày 25/3/2020 và hướng dẫn số 27/2020/HD-TGĐ ngày 29/4/2020 hướng dẫn về việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng chịu ảnh hưởng do dịch Covid-19 theo Thông tư số 01/2020/TT-NHNN ngày 13/3/2020.

- Quy trình số 97/2020/QT-TGĐ ngày 19/11/2020 về việc thẩm định và phê duyệt cơ cấu lại thời hạn trả nợ đối với khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ

chịu ảnh hưởng bởi dịch Covid; Quyết định số 357/2021/QĐ-TGD ngày 17/5/2021 sửa đổi, bổ sung quy trình 97/2020/QT-TGD.

- Hướng dẫn số 20/2021/HD-TGD hướng dẫn về việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ, trích lập dự phòng rủi ro nhằm hỗ trợ khách hàng chịu ảnh hưởng do dịch Covid-19 theo Thông tư số 03/2021/TT-NHNN ngày 02/4/2021; Quyết định số 651/2021/QĐ-TGD ngày 07/9/2021 sửa đổi, bổ sung hướng dẫn số 20/2021/HD-TGD;

- Quyết định số 702/2021/QĐ-TGD ngày 29/4/2021 sửa đổi, bổ sung quy trình thẩm định và phê duyệt cơ cấu lại thời hạn trả nợ đối với khách hàng cá nhân và khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ chịu ảnh hưởng bởi dịch Covid.

5.2. Kết quả kiểm tra hồ sơ cơ cấu nợ Covid-19

Đến 31/12/2023, VPB Chi nhánh Đồng Nai đang thực hiện cơ cấu nợ Covid-19 cho 125 khách hàng với tổng dư nợ gốc cơ cấu là 7.700 triệu đồng. Chọn mẫu kiểm tra 05 hồ sơ khách hàng cơ cấu nợ Covid-19 với tổng dư nợ là 1.305 triệu đồng, trong đó tổng dư nợ gốc cơ cấu là 58 triệu đồng và tổng dư nợ lãi cơ cấu là 128,5 triệu đồng, gồm: (1) Vũ Thị Hương, HĐTD số LN1810010964277/DNI/HĐTC, dư nợ là 126,3 triệu đồng trong đó dư nợ gốc cơ cấu là 29,1 triệu đồng; (2) Lã Ngọc Thanh Phong, HĐTD số LN1811141063984, dư nợ là 414,8 triệu đồng trong đó dư nợ gốc cơ cấu là 19,15 triệu đồng; (3) Trương Thị Tơ, HĐTD số LN1810301031998, dư nợ là 182 triệu đồng trong đó dư nợ cơ cấu gốc là 9,6 triệu đồng; (4) Ngô Đình Long, HĐTD số LN1908291644623, dư nợ XLRR là 283 triệu đồng trong đó dư nợ cơ cấu lãi là 30,04 triệu đồng; (5) Nguyễn Thị Thu Hương, HĐTD số LN1912131980142, dư nợ XLRR là 299 triệu đồng trong đó dư nợ cơ cấu lãi là 98,5 triệu đồng.

Kết quả kiểm tra nhận thấy:

- Các hồ sơ khách hàng được cơ cấu gốc, lãi do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 đều có mục đích vay vốn, nguồn trả nợ, thời gian vay vốn phát sinh, thời gian cơ cấu lại thời hạn trả nợ,...phù hợp với các quy định về cơ cấu nợ theo Thông tư số 01/2020/TT-NHNN ngày 13/3/2020, Thông tư số 03/2021/TT-NHNN ngày 02/4/2021, Thông tư số 14/2021/TT-NHNN ngày 7/9/2021. Tuy nhiên, các hồ sơ cơ cấu nợ chưa thực hiện đầy đủ theo quy định tại hướng dẫn số 15/2020/HD-TGD ngày 25/03/2020 của Tổng Giám đốc VPB, cụ thể:

+ Chưa có đầy đủ hồ sơ, tài liệu chứng minh khách hàng thuộc đối tượng chịu ảnh hưởng của dịch Covid 19 như: Các Quyết định của UBND về việc cách ly, phong tỏa tại địa phương khách hàng đang thường trú; Các chứng từ chứng minh hoạt động kinh doanh, nguồn trả nợ bị giảm sút hoặc có nhưng chỉ là các bảng tự kê doanh thu sút giảm của khách hàng; Mức độ thiệt hại; Nguồn trả nợ dự kiến sau cơ cấu; Hồ sơ định giá TSDB,...

+ Chưa có các báo cáo đánh giá của ĐVKD về khả năng trả nợ đảm bảo khả năng trả nợ gốc/lãi theo thời hạn đã được cơ cấu lại.

- Công tác thẩm định và xét duyệt cho vay ban đầu chưa đầy đủ, chặt chẽ khi: Chưa thu thập đầy đủ hồ sơ tài liệu, sổ sách, hóa đơn chứng từ để làm cơ sở

đánh giá chứng minh khách hàng đủ khả năng thanh toán gốc, lãi cho khoản vay. Chưa thẩm định, phân tích đánh giá cụ thể tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính và khả năng trả nợ của khách hàng.

- Công tác thẩm định, đề xuất và phê duyệt cơ cấu nợ khi chưa có đầy đủ các chứng từ làm căn cứ thẩm định như: Chứng từ chứng minh tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của khách hàng gặp khó khăn do ảnh hưởng bởi dịch bệnh, mức độ thiệt hại, nguồn trả nợ bị sụt giảm, dòng tiền trả nợ chậm, tài chính gặp nhiều khó khăn, các Quyết định của UBND về việc cách ly, phong tỏa tại địa phương khách hàng thường trú, nguồn trả nợ dự kiến sau cơ cấu.

- Công tác kiểm tra sau cho vay chưa chặt chẽ, chưa kiểm tra, đánh giá khả năng trả nợ gốc, lãi vay của khách hàng sau khi được cơ cấu theo định kỳ tháng/lần để có biện pháp xử lý kịp thời là chưa đúng theo quy định tại hướng dẫn số 15/2020/HD-TGD ngày 25/03/2020 của Tổng Giám đốc VPB, dẫn tới sau khi cơ cấu khách hàng vẫn không có khả năng trả nợ, phát sinh nợ quá hạn.

Trách nhiệm liên quan về cơ cấu nợ Covid-19 cụ thể theo biểu tổng hợp các vi phạm về hoạt động cho vay - Biểu 08 kèm theo.

III. Hoạt động đại lý bảo hiểm

1. Về việc ban hành quy định nội bộ

Trong thời kỳ thanh tra, VPB ban hành các quy định nội bộ liên quan đến hoạt động đại lý bảo hiểm như sau:

- Thông báo số 124/2021/TB-GĐK ngày 04/8/2021 của Phó Tổng Giám đốc thông báo về việc tuân thủ quy trình/quy định khi thực hiện hoạt động bán chéo sản phẩm bảo hiểm AIA trên mô hình giới thiệu khách hàng.

- Chỉ thị số 13/2023/CT/PTGD ngày 03/4/2023 của Phó Tổng GD VPB chỉ thị về việc tuân thủ quy trình/quy định về việc kinh doanh đại lý bảo hiểm.

- Chỉ thị số 23/2022/CT/PTGD ngày 22/8/2022 của Phó Tổng Giám đốc VPB chỉ thị về việc tuân thủ quy trình/quy định khi thực hiện hoạt động bán chéo sản phẩm bảo hiểm AIA trên mô hình giới thiệu khách hàng.

2. Về tình hình hoạt động đại lý bảo hiểm

Trong thời kỳ thanh tra, VPB Chi nhánh Đồng Nai thực hiện hoạt động đại lý bảo hiểm cho 14 Công ty Bảo hiểm, trong đó phát sinh chủ yếu là các Công ty (Toàn Cầu - GIC, Petrolimex - PJICO, Bưu Điện - PTI, Công Thương - VBI, Bảo Việt, Đông Đô - PVI, Nhân Thọ - AIA, Sài Gòn - BSH). Cụ thể:

- Năm 2020: Tổng doanh số thu phí là 8.120 triệu đồng, gồm 1.192 khách hàng; Hoa hồng nhận được từ bảo hiểm trong kỳ là 1.761 triệu đồng. Trong đó:

+ Tham gia bảo hiểm nhân thọ là 300 khách hàng với tổng doanh số là 5.358 triệu đồng, hoa hồng nhận được là 1.332 triệu đồng;

+ Tham gia bảo hiểm phi nhân thọ (khoản vay, tài chính, tài sản, sức khỏe....) là 912 khách hàng với tổng doanh số là 2.761 triệu đồng, hoa hồng nhận được là 429 triệu đồng;

- Năm 2021: Tổng doanh số thu phí là 10.610 triệu đồng, gồm 1.264 khách hàng; Hoa hồng nhận được trong kỳ là 2.141 triệu đồng. Trong đó:

+ Tham gia bảo hiểm nhân thọ là 369 khách hàng với tổng doanh số 7.349 triệu đồng, hoa hồng nhận được là 1.654 triệu đồng;

+ Tham gia bảo hiểm phi nhân thọ (khoản vay, tài chính, tài sản, sức khoẻ....) là 900 khách hàng với tổng doanh số 3.261 triệu đồng, hoa hồng nhận được là 487 triệu đồng;

- Năm 2022: Tổng doanh số thu phí là 16.175 triệu đồng (bao gồm 1.390 khách hàng); Hoa hồng nhận được trong kỳ là 4.475 triệu đồng. Trong đó:

+ Tham gia bảo hiểm nhân thọ là 739 khách hàng với tổng doanh số 14.854 triệu đồng, hoa hồng nhận được từ bảo hiểm là 4.376 triệu đồng;

+ Tham gia bảo hiểm phi nhân thọ (khoản vay, tài chính, tài sản, sức khoẻ....) là 663 khách hàng với tổng doanh số 13.213 triệu đồng, hoa hồng nhận được là 99 triệu đồng;

- Năm 2023: Tổng doanh số thu phí là 16.722 triệu đồng (bao gồm 2.209 khách hàng); Hoa hồng nhận được trong kỳ là 3.587 triệu đồng. Trong đó:

+ Tham gia bảo hiểm nhân thọ là 857 khách hàng với tổng doanh số 14.879 triệu đồng, hoa hồng nhận được là 3.354 triệu đồng;

+ Tham gia bảo hiểm phi nhân thọ (khoản vay, tài chính, tài sản, sức khoẻ....) là 1.378 khách hàng với tổng doanh số 1.843 triệu đồng, hoa hồng nhận được là 233 triệu đồng;

Về chi trả tiền bảo hiểm: Theo báo cáo, VPB (vai trò là đại lý) không tham gia vào việc quản lý chi trả bồi thường, việc quản lý dữ liệu và chi trả bồi thường sẽ do công ty bảo hiểm thực hiện.

Về đơn thư phản ánh, khiếu nại, tố cáo: Theo báo cáo, trong thời kỳ thanh tra chưa phát sinh các đơn thư phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của khách hàng về việc tham gia bảo hiểm qua hệ thống tại VPB Chi nhánh Đồng Nai.

3. Về thực hiện hoạt động đại lý bảo hiểm

Kết quả kiểm tra nhận thấy hoạt động đại lý bảo hiểm của VPB Chi nhánh Đồng Nai theo đúng quy định tại Thông tư số 37/2019/TT-NHNN ngày 31/12/2019 của NHNN Việt Nam, cụ thể như sau:

- Các công ty bảo hiểm ký kết các hợp đồng đại lý với Hội sở VPB bao gồm cả bảo hiểm nhân thọ và bảo hiểm phi nhân thọ; Các hợp đồng đại lý đều có thoả thuận về việc giới thiệu, chào bán sản phẩm, thu phí hoa hồng, cung cấp và đối chiếu thông tin, thanh toán phí bảo hiểm giữa công ty bảo hiểm và VPB;

- Các công ty bảo hiểm Chi nhánh tại Đồng Nai thực hiện cử các tư vấn viên qua làm việc trực tiếp để tư vấn tại VPB Chi nhánh Đồng Nai hoặc thành lập các bộ phận tư vấn bảo hiểm để phục vụ cho các khách hàng có phát sinh nhu cầu mua bảo hiểm khi có quan hệ giao dịch tại VPB Chi nhánh Đồng Nai.

- Nhân viên quan hệ khách hàng (QHKH) được thực hiện đào tạo cơ bản về các sản phẩm bảo hiểm để thực hiện tư vấn, giới thiệu cho khách hàng khi đến giao dịch, quan hệ tín dụng với VPB và có nhu cầu mua bảo hiểm; Nếu khách hàng đồng ý mua bảo hiểm thì chuyên viên QHKH sẽ chuyển sang các tư vấn viên (các bộ phận tư vấn) của các công ty bảo hiểm để thực hiện thu thập thông tin, tư vấn trực tiếp và chào bán sản phẩm cho khách hàng tại VPB; Nếu

khách hàng đồng ý mua bảo hiểm thì các tư vấn viên (bộ phận tư vấn) Công ty bảo hiểm sẽ thực hiện nhập thông tin khách hàng lên phần mềm hệ thống của các Công ty bảo hiểm và thực hiện các thủ tục ký kết hợp đồng bảo hiểm với khách hàng (hợp đồng bảo hiểm điện tử và hợp đồng bảo hiểm giấy); Khách hàng thực hiện đóng phí bảo hiểm trực tiếp hoặc chuyển khoản qua tài khoản thanh toán tại các công ty bảo hiểm chi nhánh, tư vấn viên bảo hiểm không trực tiếp thu tiền của khách hàng.

- Việc thực hiện thu phí bảo hiểm, nhận hoa hồng đại lý và các khoản thu khác đều được theo dõi, đối chiếu tại Hội sở VPB và các Công ty bảo hiểm; VPB Chi nhánh Đồng Nai chỉ thực hiện theo dõi doanh số bán bảo hiểm, hoa hồng giới thiệu, tư vấn tại Chi nhánh với Hội sở VPB.

- Kiểm tra chọn mẫu một số hợp đồng bảo hiểm giữa Công ty bảo hiểm và khách hàng thì đều có thông tin khách hàng đầy đủ, có thoả thuận về các nội dung bảo hiểm, giá trị bảo hiểm, thời hạn bảo hiểm, phí bảo hiểm,...; Các sản phẩm bảo hiểm phát sinh tại VPB Chi nhánh Đồng Nai chủ yếu là các sản phẩm bảo hiểm nhân thọ (Công ty bảo hiểm AIA), các sản phẩm phi nhân thọ tại các công ty khác như bảo hiểm sức khoẻ, bảo hiểm xe, bảo hiểm nhà xưởng, máy móc thiết bị, bảo hiểm cháy, nổ,...

Kết quả làm việc trực tiếp giữa Đoàn Thanh tra đối với 02 tư vấn viên của Công ty Bảo hiểm Nhân thọ AIA và 08 chuyên viên quan hệ khách hàng (QHKH) tại VPB Chi nhánh Đồng Nai nhận thấy như sau:

- Chuyên viên QHKH được đào tạo, tập huấn liên quan đến công tác giới thiệu, tư vấn bảo hiểm và được cấp giấy chứng nhận, chứng chỉ theo quy định.

- Nhân viên QHKH nắm được quy định về không được ép khách hàng mua bảo hiểm. Khách hàng khi có nhu cầu mua bảo hiểm thì giới thiệu qua chuyên viên tư vấn chuyên sâu Công ty bảo hiểm để tư vấn nhu cầu thực tế của khách hàng. Khách hàng không đồng ý mua bảo hiểm thì tư vấn viên chỉ cần báo lại chuyên viên QHKH là khách hàng không mua bảo hiểm.

- Các nhân viên QHKH nhận được hoa hồng sau khi được ghi nhận khi khách hàng thực hiện mua bảo hiểm theo mã kinh doanh.

- VPB không giao chạy chỉ tiêu về bảo hiểm cho các chuyên viên QHKH, các khách hàng sau khi được tư vấn, giới thiệu thành công chỉ được chấm điểm một trong các tiêu chí chung của nhân viên QHKH.

IV. Về công tác phòng chống rửa tiền, tài trợ khủng bố

1. Việc ban hành quy định nội bộ về phòng chống rửa tiền (PCRT), tài trợ khủng bố (TTKB) theo quy định của pháp luật

Trong thời kỳ thanh tra, VPB Chi nhánh Đồng Nai thực hiện triển khai công tác phòng chống rửa tiền, tài trợ khủng bố theo chính sách, quy trình nội bộ về hoạt động PCRT, TTKB do Hội sở VPB ban hành với hơn 40 văn bản quy định chuyên biệt, bao gồm: Chính sách chung về phòng, chống rửa tiền; Nhóm các văn bản về nhận biết khách hàng, xác minh và cập nhật thông tin khách hàng; Nhóm các văn bản liên quan đến rà soát, phát hiện, xử lý và báo cáo giao dịch đáng ngờ; Cách thức giao tiếp với khách hàng thực hiện giao dịch đáng

ngờ; Nhóm văn bản liên quan đến đào tạo nghiệp vụ phòng, chống rửa tiền...Đơn cử một số văn bản tiêu biểu sau:

- Quy định số 261A/2023/CSH-HĐQT về chính sách PCRT, chống TTKB, chống tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt và tuân thủ cấm vận, trừng phạt tại VPB; Quy định số 63/2023/QĐi-TGD về quy định PCRT, TTKB, chống tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt, tuân thủ cấm vận trừng phạt tại VPB; Quy định số 155/2023/HDN-TGD về hướng dẫn nghiệp vụ nhận biết khách hàng trong phòng, chống rửa tiền; Quy định số 86/2023/QTH-TGD về hướng dẫn quy trình nhận biết khách hàng trong phòng, chống rửa tiền; Quy định số 159/2023/HDN-TGD về hướng dẫn nghiệp vụ quản lý rủi ro rửa tiền tại VPB; Quy định số 37/2023/HTQ-TGD về hướng dẫn quy trình quản lý rủi ro rửa tiền khi cung cấp sản phẩm dịch vụ mới, sản phẩm dịch vụ hiện có áp dụng công nghệ đổi mới; Quy định số 109/2021/QT-TGD về quy trình giám sát giao dịch tạo và xử lý case trên Hệ thống PCRT; Quy định số 157/2023/HDN-TGD về hướng dẫn nghiệp vụ báo cáo giao dịch trong công tác PCRT tại VPB.

- Ngoài ra, VPB còn ban hành các văn bản hướng dẫn, thông báo để triển khai các quy định về PCRT trong thực tiễn toàn hệ thống, đưa ra các chỉ thị nhằm phản ứng kịp thời với các thay đổi diễn ra trong hoạt động kinh doanh như tăng cường rà soát các giao dịch rủi ro cao, quản lý rủi ro rửa tiền...

Kết quả kiểm tra nhận thấy các nội dung trong các quy định, quy chế quy định tương đối đầy đủ theo các quy định tại Luật PCRT, các Nghị định hướng dẫn của Chính phủ và Thông tư hướng dẫn của NHNN Việt Nam; Phù hợp cơ cấu tổ chức, sản phẩm, dịch vụ và mức độ rủi ro về rửa tiền, tài trợ khủng bố; Các quy định được cập nhật, bổ sung, chỉnh sửa kịp thời theo các quy định của pháp luật và hướng dẫn của NHNN Việt Nam.

2. Việc phân công cán bộ, bộ phận chịu trách nhiệm về PCRT, TTKB

Hoạt động PCRT, TTKB của VPB tập trung tại Hội sở, thực hiện tổ chức, triển khai, báo cáo,...về PCRT, TTKB trong toàn hệ thống VPB theo quy định nội bộ của VPB; Khởi Pháp chế và Kiểm soát tuân thủ (Ông Nguyễn Thành Long – Phó Tổng giám đốc kiêm Giám đốc khối pháp chế) là đơn vị chuyên trách quản lý và theo dõi hoạt động về PCRT tại VPB, đã được đăng ký thông tin theo quy định tại khoản 10 Điều 5 Thông tư số 09/2023/TT-NHNN ngày 28/7/2023 của NHNN Việt Nam.

VPB Chi nhánh Đồng Nai bố trí cán bộ chuyên trách PCRT, TTKB tại Chi nhánh theo quy định của VPB: Bổ nhiệm các cán bộ đang giữ chức vụ Kiểm soát viên trở lên kiêm nhiệm chức danh cán bộ chịu trách nhiệm về PCRT, TTKB tại các Chi nhánh, Phòng giao dịch của VPB để nâng cao hiệu quả công tác PCRT, TTKB toàn hệ thống.

Kết quả kiểm tra nhận thấy, Hội sở VPB đã ban hành các Quyết định bổ nhiệm cán bộ chịu trách nhiệm về PCRT, TTKB tại VPB Chi nhánh Đồng Nai và các đơn vị trực thuộc trong từng thời kỳ theo đúng quy định.

3. Về nhận biết, cập nhật thông tin khách hàng và phân loại khách hàng trên cơ sở rủi ro

VPB Chi nhánh Đồng Nai thực hiện quy trình, thủ tục nhận biết và cập nhật thông tin khách hàng như sau: Nhận biết khách hàng (KYC) tại thời điểm khách hàng thiết lập mối quan hệ với VPB; Thu thập thông tin nhận biết khách hàng, thông tin chủ sở hữu hưởng lợi của khách hàng và mục đích của khách hàng trong mối quan hệ với VPB; Xác minh thông tin nhận biết khách hàng, thông tin chủ sở hữu hưởng lợi của khách hàng; Rà soát thông tin khách hàng và chủ sở hữu hưởng lợi của khách hàng theo các danh sách PCRT; Phân loại khách hàng trên cơ sở rủi ro rửa tiền; Thu thập thông tin nhận biết khách hàng tăng cường đối với các khách hàng có rủi ro cao về rửa tiền; Thường xuyên cập nhật thông tin nhận biết khách hàng: Định kỳ 01 năm/lần với khách hàng có rủi ro cao; Cập nhật thông tin nhận biết khách hàng khi thông tin này có sự thay đổi.

Theo báo cáo, vào tháng 07/2021, VPB đã đưa vào sử dụng cấu phần KYC thuộc hệ thống PCRT-OFSA cung cấp bởi Oracle, sau khi hệ thống này được go-live, đã hỗ trợ Ngân hàng tự động hóa hầu hết các công tác nhận biết khách hàng cũng như cập nhật thông tin khách hàng mà trước đây phải thực hiện thủ công, qua đó nâng cao tính tuân thủ của Ngân hàng với các yêu cầu KYC theo quy định của pháp luật.

Về phân loại khách hàng trên cơ sở rủi ro theo quy định của Luật PCRT: VPB đã ban hành các quy định thực hiện PCRT trong toàn hệ thống, trong đó có quy định về phân loại khách hàng trên cơ sở rủi ro, nội dung cơ bản dựa trên các yếu tố quy định tại Luật PCRT, các Nghị định và Thông tư hướng dẫn; Theo đó, thực hiện các bước theo quy trình khi giao dịch với khách hàng để phân loại khách hàng rủi ro; Sau đó, hệ thống công nghệ thông tin sẽ tự động cập nhật phân loại khách hàng và gửi tập trung về bộ phận PCRT tại Hội sở VPB để thực hiện các quy trình xử lý và báo cáo theo quy định.

Kết quả kiểm tra nhận thấy VPB Chi nhánh Đồng Nai thực hiện thông tin nhận biết khách hàng theo quy định tại Điều 9 Luật PCRT năm 2022 và khoản 1 Điều 6 Nghị định số 19/2023/NĐ-CP ngày 28/4/2023; Cập nhật, bổ sung thông tin nhận biết khách hàng để đảm bảo sự hiểu biết đầy đủ về khách hàng trong suốt thời gian thiết lập mối quan hệ với khách hàng theo quy định tại Điều 10 Luật PCRT năm 2012, Điều 34 Luật PCKB năm 2013 và Điều 6 Nghị định số 19/2023/NĐ-CP ngày 28/4/2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật PCRT.

Kết quả kiểm tra chọn mẫu một số chứng từ các giao dịch lớn, chuyển tiền điện tử trong nước, chuyển tiền điện tử ra/vào Việt Nam trong thời kỳ thanh tra nhận thấy: Các khoản giao dịch mở tài khoản, giao dịch chuyển tiền thì chứng từ đều có ghi nhận đầy đủ thông tin khách hàng, có lưu giữ bản photo chứng minh nhân dân, căn cước công dân, passport của khách hàng khi đến giao dịch nộp, rút, chuyển tiền tại VPB Chi nhánh Đồng Nai; Các thông tin dữ liệu đều có trong các file báo cáo trên hệ thống PCRT, TTKB theo quy định.

4. Công tác rà soát các giao dịch đáng ngờ

Trong thời kỳ thanh tra, trên cơ sở giám sát các giao dịch của khách hàng, VPB thực hiện việc rà soát, xem xét và ghi nhận các dấu hiệu đáng ngờ để từ đó thực hiện báo cáo giao dịch đáng ngờ theo quy định. VPB hiện sử dụng các phương thức giám sát giao dịch khách hàng bao gồm:

- *Giám sát tự động*: các giao dịch của khách hàng tại VPB được giám sát tự động bởi hệ thống PCRT (hệ thống OFSAA) theo các kịch bản giám sát nhằm phát hiện các giao dịch có cấu trúc, giá trị bất thường so với lịch sử giao dịch của khách hàng, các khách hàng có cùng phân khúc và các bên liên quan có rủi ro cao về rửa tiền,...

- *Giám sát thủ công*: VPB duy trì việc giám sát giao dịch thủ công với các dấu hiệu đáng ngờ mà hệ thống không hỗ trợ được việc phát hiện như thái độ của khách hàng khi yêu cầu thực hiện giao dịch, các cấu trúc giao dịch phức tạp một cách bất thường,... Công tác giám sát thủ công được thực hiện bởi CBNV VPB trong quá trình xử lý giao dịch cho khách hàng thông qua việc đánh giá, phân tích khách hàng và giao dịch của khách hàng. Ngoài ra, Phòng PCRT và MTXH ở Hội sở VPB có thể thực hiện giám sát theo chuyên đề đối với các loại giao dịch, đối tượng KH có rủi ro cao về rửa tiền trong từng thời kỳ.

Theo báo cáo, trong thời kỳ thanh tra, cụm Chi nhánh Đồng Nai có 02 trường hợp giao dịch phát sinh một số dấu hiệu giao dịch đáng ngờ:

S T T	Số báo cáo	Ngày gửi báo cáo	Tên KH	Số TK có giao dịch đáng ngờ	Đơn vị phụ trách
1	38/2021/VPB-GDDN	27/04/2021	Đinh Quang Thế	216664256	VPB CN Đồng Nai – PGD Hồ Nai
2	112/2022/VPB-GDDN	20/12/2022	Trần Thị Ngọc Hậu	260101118	VPB CN Đồng Nai – PGD Long Thành
			Lã Ngọc Bích Trâm	260524038	VPB CN Đồng Nai
			Nguyễn Hoài Thương	261042266	VPB CN Đồng Nai
			Lê Thanh Trà	260640321	VPB CN Đồng Nai – PGD Long Thành

Sau đó, Phòng PCRT&MTXH tại Hội sở chính thực hiện báo cáo giao dịch đáng ngờ về NHNN Việt Nam theo quy định tại báo cáo số 38/2021/VPB-GDDN ngày 27/04/2021, báo cáo số 112/2022/VPB-GDDN ngày 20/12/2022.

5. Về thực hiện các loại báo cáo

Công tác báo cáo được thực hiện tập trung tại Hội sở VPB, không thực hiện theo từng Chi nhánh; Theo đó toàn bộ dữ liệu giao dịch tiền mặt có giá trị lớn, giao dịch chuyển tiền điện tử phát sinh của toàn hệ thống được thực hiện tự động bởi hệ thống OFSAA và sẽ được gửi theo phương thức truyền file điện tử tới Cục PCRT – NHNN Việt Nam. Kết quả kiểm tra nhận thấy:

- Báo cáo giao dịch có giá trị lớn theo quy định tại Điều 21 Luật PCRT 2012, Điều 25 Luật PCRT 2022; Điều 5 Thông tư số 35/2013/TT-NHNN của NHNN Việt Nam. Thời hạn, phương thức báo cáo theo quy định tại các Điều 25, 26 Luật PCRT 2012; Điều 36, Điều 37 Luật PCRT 2022; Điều 16 Nghị định số

116/2013/NĐ-CP ngày 04/10/2013 của Chính Phủ; Điều 10 Thông tư số 35/2013/TT-NHNN của NHNN Việt Nam.

- Báo cáo giao dịch chuyển tiền điện tử theo quy định tại Điều 23 Luật PCRT, khoản 3 Điều 1 Thông tư số 31/2014/TT-NHNN của NHNN Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 35/2013/TT-NHNN. Thời hạn, phương thức báo cáo theo quy định tại Điều 25, 26 Luật PCRT, Điều 36, Điều 37 Luật PCRT 2022; Điều 16 Nghị định số 116/2013/NĐ-CP; Điều 10 Thông tư số 35/2013/TT-NHNN của NHNN Việt Nam.

- Đối với báo cáo giao dịch đáng ngờ: Trong thời kỳ thanh tra, cụm Chi nhánh Đồng Nai phát sinh 02 trường hợp có liên quan trong các báo cáo giao dịch đáng ngờ, bao gồm: Báo cáo số 38/2021/VPB-GDDN ngày 27/04/2021, báo cáo số 112/2022/VPB-GDDN. Kết quả kiểm tra nhận thấy đơn vị báo cáo giao dịch đáng ngờ theo quy định tại Điều 22 Luật PCRT 2012; Điều 14 Nghị định số 116/2013/NĐ-CP; Điều 5, Điều 6 Thông tư số 35/2013/TT-NHNN; Điều 25, Điều 26 Luật PCRT năm 2012; Điều 16 Nghị định số 116/2013/NĐ-CP; Điều 10 Thông tư số 35/2013/TT-NHNN của NHNN Việt Nam. Việc thực hiện báo cáo và nộp báo cáo giao dịch đáng ngờ được thực hiện bởi Phòng PCRT&MTXH tại Hội sở (không gửi riêng lẻ theo từng Chi nhánh), thời hạn thực hiện báo cáo giao dịch đáng ngờ theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Luật PCRT 2012.

- Đối với báo cáo giao dịch rửa tiền nhằm TTKB: Trong thời kỳ thanh tra, cụm Chi nhánh Đồng Nai không phát sinh trường hợp báo cáo giao dịch rửa tiền nhằm tài trợ khủng bố.

6. Việc áp dụng biện pháp tạm thời theo quy định

Trong thời kỳ thanh tra, theo báo cáo VPB Chi nhánh Đồng Nai chưa phát sinh các giao dịch đáng ngờ, chưa phải rà soát đối với các giao dịch theo danh sách đen, danh sách cảnh báo liên quan đến rửa tiền và tài trợ khủng bố nên chưa áp dụng biện pháp tạm thời theo quy định tại Điều 33, Điều 34 Luật PCRT năm 2012; Điều 34 Luật PCKB năm 2013; Điều 22, Điều 23 Nghị định số 116/2013/NĐ-CP ngày 04/10/2013 của Chính phủ và khoản 1 Điều 8 Nghị định số 122/2013/NĐ-CP ngày 11/10/2013 của Chính phủ.

7. Công tác đào tạo về PCRT và tài trợ khủng bố

Theo báo cáo, trong thời kỳ thanh tra, các cán bộ của VPB Chi nhánh Đồng Nai đã tham gia các buổi đào tạo hàng năm về PCRT do Phòng PCRT và MTXH phối hợp với học viện VPB tổ chức. Trong đó:

- Các CBNV của Chi nhánh phải tham gia khóa đào tạo tuân thủ bắt buộc hàng năm, 100% cán bộ mới của Chi nhánh phải tham gia khóa đào tạo tân tuyển (đây là một trong các điều kiện để VPB ký kết hợp đồng lao động chính thức với CBNV). Đến hết năm 2023, VPB Chi nhánh Đồng Nai đã có 84 cán bộ hoàn thành khóa học.

- Ngoài ra, trong năm 2022, VPB Chi nhánh Đồng Nai có tham gia các khóa đào tạo về sử dụng hệ thống PCRT – OFSAA (bao gồm đào tạo về sử dụng hệ thống Transaction filtering và hệ thống KYC), đào tạo PCRT chuyên sâu cho

các cán bộ quản lý khách hàng doanh nghiệp do PCRT và MTXH tổ chức; Trong năm 2023, các cán bộ quản lý khách hàng doanh nghiệp đã tham gia khóa học về đào tạo về mẫu biểu và giải pháp giảm thiểu sai sót khi mở TKTT cho khách hàng tổ chức, trong khóa học, đơn vị được truyền thông, đào tạo về việc sử dụng mẫu biểu mới về KYC.

8. Về công tác kiểm toán, kiểm toán nội bộ về công tác PCRT

Theo báo cáo, trong thời kỳ thanh tra, VPB Chi nhánh Đồng Nai chưa được thực hiện kiểm toán nội bộ liên quan đến công tác PCRT. Hoạt động PCRT hàng năm, KTNB sẽ thực hiện kiểm toán hoạt động PCRT tại Phòng PCRT và MTXH – Khối pháp chế (đầu mỗi hoạt động PCRT tại VPB).

PHẦN III NHẬN XÉT VÀ KẾT LUẬN

Qua kết quả thanh tra, nhìn chung VPB Chi nhánh Đồng Nai đã có nhiều cố gắng trong hoạt động cấp tín dụng trong bối cảnh nền kinh tế - xã hội chịu ảnh hưởng nặng nề của dịch bệnh Covid-19 và khó khăn chung của nền kinh tế, đặc biệt là trong việc tăng trưởng cấp tín dụng đối với các khách hàng cá nhân nhằm mở rộng quy mô hoạt động của Chi nhánh, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế địa phương; Thực hiện đại lý bảo hiểm cho các Công ty bảo hiểm phát sinh tại Chi nhánh khi khách hàng có nhu cầu, chưa phát sinh các trường hợp khiếu kiện, khiếu nại; Thực hiện công tác phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố tuân thủ theo các hướng dẫn, yêu cầu báo cáo của Hội sở VPB theo quy định. Bên cạnh mặt đạt được, VPB Chi nhánh Đồng Nai còn nhiều tồn tại, sai phạm cần được chấn chỉnh và khắc phục nhằm đảm bảo an toàn trong hoạt động của Chi nhánh, cụ thể:

1. Về sản phẩm cho vay

1.1. Ban hành, triển khai thực hiện sản phẩm cho vay thanh toán tiền đặt cọc cho bên thứ ba (Công ty CP Dịch vụ BĐS Đất Xanh) dành cho khách hàng cá nhân tại Dự án Gem Sky World chưa đầy đủ, chặt chẽ, phát sinh nhiều rủi ro trong quá trình thực hiện cho khách hàng vay vốn dẫn đến khiếu kiện, khiếu nại, như: Công ty CP Dịch vụ BĐS Đất Xanh (Công ty môi giới BĐS) nhận cọc để đảm bảo thực hiện các cam kết theo thỏa thuận (tư vấn, môi giới và chứng minh năng lực tài chính), chưa phù hợp trong phạm vi hoạt động của Công ty theo quy định pháp luật; Chưa thực hiện giám sát được số tiền đã thanh toán đặt cọc theo thỏa thuận tư vấn của khách hàng với Công ty CP Dịch vụ BĐS Đất Xanh dẫn đến rủi ro khó kiểm soát dòng tiền vốn vay của khách hàng, có thể phát sinh việc chiếm dụng vốn, ảnh hưởng đến việc vay vốn và trả nợ của khách hàng. Đến nay, Công ty CP Dịch vụ BĐS Đất Xanh gặp khó khăn tài chính, chưa thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán theo các thỏa thuận với khách hàng và ngân hàng dẫn đến một số khách hàng đang thực hiện khiếu kiện, khiếu nại. *Chi tiết nêu tại điểm 1 Mục I Phần II Kết quả kiểm tra xác minh*

1.2. Ban hành, triển khai thực hiện sản phẩm cho vay TOPUP chưa đầy đủ, chặt chẽ dẫn đến việc thẩm định, xét duyệt cho vay gặp nhiều rủi ro do

chưa đánh giá cụ thể và đầy đủ khả năng trả nợ của khách hàng, chưa kiểm soát được việc cho vay khi chứng từ tài liệu chứng minh nguồn trả nợ và mục đích sử dụng vốn sau cho vay chưa chặt chẽ như: Các khoản cho vay chủ yếu là tiêu dùng cá nhân bằng tiền mặt (mua các vật dụng gia đình như tivi, tủ lạnh, bàn, ghế,...), chứng từ chứng minh là các bảng kê, hoá đơn bán lẻ, hợp đồng mua bán, biên bản giao nhận hàng hóa...nhưng không theo quy định của Bộ tài chính là không phù hợp với quy định pháp luật về hóa đơn dẫn đến có thể xác định không chính xác mục đích vay vốn của khách hàng. Thực hiện đánh giá khả năng tài chính, nguồn thu khách hàng chủ yếu theo bảng kê thu nhập (khách hàng tự kê và ĐVKD chịu trách nhiệm xác minh tính chính xác và xác thực hồ sơ vay vốn) là chưa đầy đủ cơ sở để xác định nguồn trả nợ, không tra cứu CIC nhằm thẩm định việc vay vốn tại các TCTD để cân đối nguồn trả nợ là chưa đảm bảo khả năng trả nợ của khách hàng dẫn đến sau cho vay khách hàng nợ quá hạn, nợ xấu. *Chi tiết nêu tại điểm 1 Mục I Phần II Kết quả kiểm tra xác minh*

2. Công tác thẩm định chưa chặt chẽ, chưa đáp ứng đầy đủ theo quy định tại Điều 17 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của NHNN Việt Nam đối với 111 khách hàng (263 khoản vay) với tổng dư nợ có liên quan đến 31/12/2023 là 1.047.425 triệu đồng như: Chưa thẩm định đầy đủ, cụ thể được phương án vay vốn và khả năng trả nợ của khách hàng; Thẩm định cho khách hàng vay vốn để mua BĐS, hoàn vốn mua BĐS nhưng thẩm định và phê duyệt cho vay căn cứ vào hợp đồng mua bán, chuyển nhượng BĐS không công chứng; Thẩm định cho vay bổ sung vốn lưu động hoặc có nguồn trả nợ từ hoạt động sản xuất kinh doanh nhưng chưa có đầy đủ hoá đơn, chứng từ, báo cáo tài chính làm cơ sở cho việc thẩm định hoặc có nhưng chỉ là các bảng tự kê của khách hàng (hàng hoá mua vào, bán ra, doanh thu, lợi nhuận.....) chưa đúng quy định của Bộ Tài chính; Thẩm định thời gian ân hạn trả nợ gốc dài (từ 12 đến 24 tháng) nhưng chưa đánh giá phân tích và có căn cứ xác định. Thẩm định dự phóng kế hoạch kinh doanh, tình hình tài chính, hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp chủ yếu căn cứ vào báo cáo nội bộ của Công ty, chưa thu thập đầy đủ các chứng từ để làm căn cứ thẩm định; Thu thập dữ liệu một số thời điểm chưa sát với thời điểm thẩm định cho vay để đánh giá chính xác tình hình tài chính và kế hoạch vay vốn của doanh nghiệp; Chưa thẩm định các rủi ro liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh để đề ra giải pháp hạn chế rủi ro, đảm bảo an toàn cho khoản vay; Chưa thẩm định cụ thể tình hình vay vốn tại các TCTD để xác định chính xác nhu cầu vay vốn và cân đối nguồn trả nợ của khách hàng. *Chi tiết tại điểm 2 Mục I Phần II Kết quả kiểm tra xác minh, từng trường hợp khách hàng tại phụ lục số 01 do Đoàn Thanh tra lập kèm theo.*

3. Về bảo đảm tiền vay:

- Cho khách hàng vay vốn nhận thế chấp tài sản là QSD đất nhưng chưa thực hiện đăng ký giao dịch đảm bảo theo quy định tại khoản 1 Điều 25 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP ngày 30/11/2022 của Chính phủ về đăng ký biện pháp đảm bảo, cụ thể đối với khách hàng Đinh Quang Hiệu, HĐTD số

LN2309120237176, dư nợ 2.600 triệu đồng, HĐTC số LN2309120237176 ngày 20/9/2023 (thế chấp QSD đất số DM 458645).

- Thực hiện rút bớt, thay thế tài sản đảm bảo là QSD đất nhưng chưa thực hiện đăng ký thay đổi nội dung đăng ký giao dịch đảm bảo theo quy định tại khoản 1 Điều 18 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP ngày 30/11/2022 của Chính phủ về đăng ký biện pháp đảm bảo đối với khách hàng Chu Ngọc Trung, HĐTD số LN2112064838453, dư nợ 27.888 triệu đồng, cụ thể đối với HĐTC số 002116 ngày 15/12/2021 và HĐTC số 000065 ngày 07/01/2022.

4. Công tác kiểm tra, giám sát vốn vay chưa thực hiện đầy đủ, chặt chẽ theo đúng quy định tại Điều 24 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của NHNN Việt Nam đối với 101 khách hàng (237 khoản vay) với tổng dư nợ có liên quan đến 31/12/2023 là 915.848 triệu đồng như sau:

- Kiểm tra trước và trong khi cho vay khi thu thập chứng từ, tài liệu phục vụ cho công tác thẩm định và phê duyệt cho vay nhưng chưa đầy đủ, chặt chẽ, chưa phù hợp theo quy định của pháp luật về hoá đơn, chứng từ dẫn đến chưa xác định chính xác nhu cầu vay vốn, hiệu quả việc sử dụng vốn vay và khả năng trả nợ của khách hàng; Các sản phẩm cho vay tại VPB đều đang áp dụng bảng kê của khách hàng theo mô hình đơn vị tốt, giao quyền xác định chứng từ liên quan đến việc vay vốn và khả năng trả nợ của khách hàng là tiềm ẩn nhiều rủi ro trong việc thẩm định và xét duyệt cho vay, ảnh hưởng đến việc tuân thủ các quy định của pháp luật về cho vay. *Chi tiết nêu tại điểm 2 Mục I Phần II Kết quả kiểm tra xác minh, từng trường hợp khách hàng tại phụ lục số 02 do Đoàn Thanh tra lập kèm theo.*

- Kiểm tra sau cho vay: Chưa thực hiện kiểm tra sau cho vay hoặc có nhưng chưa đầy đủ và chặt chẽ theo quy định khi chỉ kiểm tra chung chung thông tin về HĐTD/KUNN, đánh giá đúng mục đích. Chưa kiểm tra, đánh giá cụ thể việc giải ngân cho khách hàng như thế nào, tình hình tài chính, hoạt động sản xuất kinh doanh và khả năng trả nợ của khách hàng; Chưa thu thập các chứng từ liên quan để làm cơ sở cho việc kiểm tra; Chưa kiểm tra, đánh giá định kỳ tình hình vay vốn của khách hàng tại các TCTD khác để đánh giá bổ sung khả năng trả nợ của khách hàng. Thực hiện kiểm tra định kỳ đối với khách hàng doanh nghiệp nhưng chưa kiểm tra đầy đủ, cụ thể tình hình tài chính và hoạt động sản xuất kinh doanh của khách hàng; Chưa thu thập chứng từ để làm cơ sở cho việc kiểm tra hoặc có nhưng chưa kiểm tra, đánh giá đầy đủ các nội dung vào biên bản kiểm tra định kỳ. *Chi tiết nêu tại điểm 2 Mục I Phần II Kết quả kiểm tra xác minh, từng trường hợp khách hàng tại phụ lục số 02 do Đoàn Thanh tra lập kèm theo.*

5. Về sử dụng vốn sai mục đích: Khách hàng vay vốn nhưng không sử dụng vốn đúng mục đích theo thoả thuận của hợp đồng tín dụng là vi phạm về nguyên tắc cho vay, vay vốn quy định tại khoản 2 Điều 4 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của NHNN Việt Nam đối với khách hàng Nguyễn Quốc Tri, HĐTD số LN2105143736978, dư nợ 4.500 triệu đồng khi vay thanh toán chuyển nhượng QSD đất (số CX002708) nhưng giao dịch không thành công. *Chi tiết nêu tại điểm 2 Mục I Phần II Kết quả kiểm tra xác minh.*

6. Thực hiện phân loại nợ chưa đúng quy định tại khoản 1 Điều 10 Thông tư số 11/2021/TT-NHNN ngày 30/7/2021 của NHNN Việt Nam quy định về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với 08 khách hàng với tổng dư nợ có liên quan là 50.291,5 triệu đồng. Dẫn đến tại thời điểm 31/12/2023, thực hiện trích lập dự phòng cụ thể thiếu số tiền 1.341,7 triệu đồng là chưa đúng quy định tại Điều 12 Thông tư số 11/2021/TT-NHNN ngày 30/7/2021 của NHNN Việt Nam. *Chi tiết nêu tại điểm 2 Mục I và điểm 3 Mục II Phần II Kết quả kiểm tra xác minh.*

7. Công tác sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng

7.1. Về hồ sơ xử lý rủi ro: Thực hiện trình sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng đối với các khách hàng theo tờ trình chung từng đợt của Khối Quản trị rủi ro Hội sở VPB kèm danh sách tổng hợp các khách hàng để sử dụng dự phòng rủi ro; Không trình cụ thể từng trường hợp khách hàng như thế nào (nguyên nhân, biện pháp thu hồi nợ, xử lý nợ có vấn đề, tình trạng tài sản đảm bảo, dự phòng cụ thể đã trích,...) để đảm bảo đúng theo nguyên tắc xử lý rủi ro quy định tại khoản 2 Điều 16 Thông tư số 11/2021/TT-NHNN ngày 30/7/2021 của NHNN Việt Nam. Hồ sơ chưa lưu giữ đầy đủ công tác xử lý nợ có vấn đề trước và sau khi thực hiện trình sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng.

7.2. Về công tác cho vay đối với hồ sơ XLRR:

- Công tác thẩm định chưa chặt chẽ, chưa đầy đủ theo quy định tại Điều 17 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của NHNN Việt Nam đối với 15 khách hàng với tổng dư nợ XLRR là 11.565 triệu đồng như sau: Chưa thẩm định cụ thể việc vay vốn và khả năng trả nợ của khách hàng; Thẩm định cho khách hàng vay vốn nhưng không lưu giữ các tài liệu liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh, nguồn trả nợ của khách hàng dẫn đến chưa đầy đủ căn cứ để thẩm định hiệu quả của việc sử dụng vốn vay của khách hàng dẫn đến sau cho vay khách hàng suy giảm khả năng tài chính, không có khả năng trả nợ, phải thực hiện sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng. *Chi tiết từng trường hợp khách hàng tại phụ lục số 01 do Đoàn Thanh tra lập kèm theo.*

- Công tác kiểm tra sử dụng vốn vay chưa đầy đủ, chặt chẽ theo đúng quy định tại Điều 24 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của NHNN Việt Nam đối với 17 khách hàng với tổng dư nợ XLRR là 11.853 triệu đồng khi chỉ kiểm tra chung chung thông tin HĐTD, KUNN, khách hàng sử dụng đúng mục đích; Chưa kiểm tra cụ thể việc sử dụng vốn vay, tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính và nguồn trả nợ của khách hàng. *Chi tiết từng trường hợp khách hàng tại phụ lục số 02 do Đoàn Thanh tra lập kèm theo.*

8. Về sai phạm khác: Đối với 47 khách hàng (106 khoản vay) với tổng dư nợ có liên quan là 401.378 triệu đồng, trong đó:

- Hồ sơ vay vốn chưa đầy đủ theo quy định tại Điều 9 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của NHNN Việt Nam đối với 39 khách hàng với tổng dư nợ 371.627 triệu đồng như: Thiếu giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc chỉ có xác nhận của UBND phường, xã); Chưa thu thập đầy đủ hồ sơ chứng minh khả năng tài chính và nguồn trả nợ của khách hàng (báo cáo

thuế, biên lai nộp thuế, sổ sách kế toán, các hóa đơn mua, bán hàng hoá,...) theo quy định của Bộ Tài chính; Thiếu các QSD đất đã sang tên khách hàng. *Chi tiết nêu tại điểm 2 Mục II Phần II Kết quả kiểm tra xác minh.*

- Công tác giải ngân chưa đúng quy định đối với 04 khách hàng (04 khoản vay) với tổng dư nợ có liên quan là 12.676 triệu đồng. *Chi tiết nêu tại điểm 2 Mục II Phần II Kết quả kiểm tra xác minh.*

- Thực hiện công tác xử lý nợ chưa đầy đủ đối với 03 khách hàng (Bùi Thị Thoi, Nguyễn Thị Diệp, Nguyễn Thanh Hải) với tổng dư nợ có liên quan là 25.737 triệu đồng khi: Thiếu biên bản làm việc, báo cáo định kỳ, tờ trình, nghị quyết, phê duyệt phương án/biện pháp xử lý/thu hồi nợ đối với từng khách hàng; Báo cáo tiến độ, đánh giá tình hình, kết quả xử lý nợ có vấn đề của các khách hàng...*Chi tiết nêu tại điểm 2 Mục II Phần II Kết quả kiểm tra xác minh.*

- Thực hiện phê duyệt cấp tín dụng đối với Công ty TNHH Thương mại dịch vụ - Xuất nhập khẩu Kim Mỹ Phát, dư nợ có liên quan là 1.600 triệu đồng nhưng vẫn đưa ra điều kiện ràng buộc khách hàng tham gia bảo hiểm nhân thọ là chưa tách bạch giữa hoạt động đại lý bảo hiểm và hoạt động cấp tín dụng, là chưa đúng với chủ trương của NHNN Việt Nam về việc hoạt động đại lý bảo hiểm và hoạt động cấp tín dụng trong lĩnh vực ngân hàng. *Chi tiết nêu tại điểm 2 Mục II Phần II Kết quả kiểm tra xác minh.*

- Thực hiện cơ cấu nợ Covid-19 đối với 05 hồ sơ khách hàng với tổng dư nợ có liên quan là 1.305 triệu đồng nhưng chưa thẩm định cụ thể được phương án cơ cấu nợ khi chưa có đầy đủ các chứng từ làm căn cứ như: Chứng từ chứng minh tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của khách hàng gặp khó khăn do ảnh hưởng bởi dịch bệnh, mức độ thiệt hại, nguồn trả nợ bị sụt giảm, dòng tiền trả nợ chậm, tài chính gặp nhiều khó khăn, các Quyết định của UBND về việc cách ly, phong tỏa tại địa phương khách hàng đang thường trú; Nguồn trả nợ dự kiến sau cơ cấu. Công tác kiểm tra sau cho vay chưa chặt chẽ, chưa kiểm tra, đánh giá khả năng trả nợ gốc, lãi vay của khách hàng sau khi được cơ cấu theo định kỳ tháng/lần để có biện pháp xử lý kịp thời dẫn tới sau khi cơ cấu khách hàng vẫn không có khả năng trả nợ. *Chi tiết nêu tại điểm 5 Mục II Phần II Kết quả kiểm tra xác minh.*

9. Cảnh báo rủi ro:

- Đối với việc thẩm định, định giá TSĐB là các QSD đất khi các biên bản định giá TSĐB, báo cáo tư vấn về giá TSĐB theo phương pháp so sánh, thông tin tham khảo là người bán, số điện thoại và đường dẫn trang web (www.batdongsan.com) nhưng không có các thông tin cụ thể từ trang web để làm cơ sở xác định giá trị TSĐB; Chưa thu thập các chứng từ, tài liệu và các thông tin cụ thể (thông tin mua bán trên các phương tiện thông tin đại chúng có uy tín như báo, đài, trang web, các giao dịch mua, bán gần khu vực đó đã ở trạng thái thành công) để làm cơ sở xác định chính xác giá trị TSĐB. Định giá TSĐB chưa đầy đủ dẫn đến chưa đầy đủ cơ sở xác định chính xác giá trị TSĐB, gây rủi ro trong việc xử lý TSĐB khi khách hàng không có khả năng trả nợ.

- Trong việc cho vay đối với Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Xuất nhập khẩu Kim Mỹ Phát khi phát sinh doanh số bán hàng đối với nhóm khách

hàng liên quan (chiếm đến 64% tổng doanh số phát sinh trong năm 2023) chủ yếu là các Công ty TNHH TM-DV Thành Mỹ Phát, Công ty TNHH SX TM DV KKP; Tình hình nợ phải trả, nợ vay chiếm tỷ lệ cao trong tổng nguồn vốn.

- Về tăng trưởng tín dụng tại VPB Chi nhánh Đồng Nai trong thời kỳ thanh tra có tốc độ nhanh trong khi tình hình nợ xấu tăng mạnh qua các thời điểm, việc sử dụng dự phòng rủi ro đối với các khoản vay không có khả năng trả nợ tương đối cao và ngày càng có xu hướng tăng, đặc biệt là đối với dư nợ cho vay tiêu dùng (chiếm đến 62,2% tổng dư nợ và nợ xấu chiếm tỷ lệ 3,5% trên tổng dư nợ cho vay tiêu dùng); Cơ cấu, tổ chức bộ máy của VPB Chi nhánh Đồng Nai và các đơn vị trực thuộc theo mô hình chuyên môn hoá phê duyệt tập trung theo từng khối khách hàng riêng; Các sản phẩm cho vay tại VPB thực hiện giao cho đơn vị kinh doanh chịu trách nhiệm tính chính xác và xác thực hồ sơ vay vốn dẫn đến chưa thẩm định chặt chẽ, chính xác mục đích vay vốn, nguồn trả nợ của khách hàng; Công tác kiểm toán nội bộ chưa được thực hiện thường xuyên (từ năm 2021 đến nay chưa thực hiện kiểm toán nội). Do đó, việc tăng trưởng tín dụng tại Chi nhánh qua các thời điểm thanh tra là tiềm ẩn rất nhiều rủi ro trong công tác quản lý khoản vay, quản lý chất lượng tín dụng.

10. Về công tác điều chuyển dư nợ:

VPB Chi nhánh Đồng Nai thực hiện điều chuyển dư nợ về Hội sở VPB để xử lý nợ tập trung đối với các khoản nợ quá hạn, nợ xấu hoặc điều chuyển dư nợ đi tỉnh khác để quản lý khách hàng với số lượng khách hàng và dư nợ lớn trong khi các hồ sơ cho vay tại Chi nhánh, địa chỉ khách hàng, địa điểm mua bán, hoạt động sản xuất kinh doanh nằm trên địa bàn thành phố, tỉnh nơi Chi nhánh đặt trụ sở chính là chưa phù hợp về công tác điều chuyển dư nợ để xử lý nợ và quản lý khoản vay. Việc điều chuyển dư nợ cho vay với số lượng khách hàng và dư nợ lớn đang có xu hướng tăng dẫn đến việc xác định thực trạng nợ quá hạn, nợ xấu tại VPB Chi nhánh Đồng Nai là chưa chính xác; Việc theo dõi, đôn đốc thu hồi nợ khách hàng tại VPB Chi nhánh Đồng Nai sẽ gặp nhiều khó khăn do tâm lý chủ quan, giảm trách nhiệm của nhân viên tín dụng.

PHẦN IV

CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ THEO THẨM QUYỀN ĐÃ ÁP DỤNG

Trong quá trình thanh tra tại VPB Chi nhánh Đồng Nai, Đoàn Thanh tra đã phát hiện hành vi vi phạm hành chính như sau:

- Thực hiện phân loại nợ chưa đúng quy định tại khoản 1 Điều 10 Thông tư số 11/2021/TT-NHNN ngày 30/7/2021 của NHNN Việt Nam quy định về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với 08 khách hàng với tổng dư nợ có liên quan là 50.291,5 triệu đồng. Dẫn đến tại thời điểm 31/12/2023, thực hiện trích lập dự phòng cụ thể thiếu số tiền 1.341,7 triệu đồng là chưa đúng quy định tại Điều 12 Thông tư số 11/2021/TT-NHNN ngày 30/7/2021 của NHNN Việt Nam.

- Hành vi vi phạm về phân loại nợ không đúng quy định của pháp luật quy định tại điểm a khoản 1 Điều 36 Mục 10 Chương II Nghị định số 88/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 của Chính Phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng “*Điều 36. Vi phạm quy định về phân loại tài sản có, cam kết ngoại bảng, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro. 1. Phạt tiền từ 150.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây: ... a) Thực hiện phân loại tài sản có, cam kết ngoại bảng không đúng quy định của pháp luật; ...*”.

- Đoàn Thanh tra đã lập biên bản vi phạm hành chính và chuyển Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi phân loại nợ không đúng theo quy định của pháp luật. Hành vi vi phạm về trích lập dự phòng không đúng quy định của pháp luật quy định tại điểm b khoản 1 Điều 36 Mục 10 Chương II Nghị định số 88/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 của Chính Phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng “*b) Trích lập dự phòng rủi ro không đúng quy định của pháp luật, trừ trường hợp việc trích lập dự phòng rủi ro không đúng quy định của pháp luật là hậu quả của hành vi vi phạm tại điểm a khoản 1 Điều này*” là do hậu quả vi phạm từ hành vi phân loại nợ không đúng quy định (đã lập biên bản vi phạm hành chính) nên Đoàn Thanh tra không lập biên bản vi phạm hành chính hành vi này.

- Ngày 18/6/2024, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng đã ra Quyết định số 917/QĐ-XPHC về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng đối với VPB Chi nhánh Đồng Nai với mức phạt tiền là 350 triệu đồng và áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả buộc phân loại tài sản có theo quy định của pháp luật trong thời hạn tối đa 01 tháng.

- Ngày 25/6/2024, VPB Chi nhánh Đồng Nai cũng đã có văn bản số 009/2024/CV-VPBĐN báo cáo biện pháp khắc phục hậu quả là đã thực hiện phân loại nợ đúng theo quy định đối với 08 khách hàng theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính. Ngày 28/6/2024, VPB Chi nhánh Đồng Nai đã nộp phạt số tiền vi phạm hành chính theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

PHẦN V KIẾN NGHỊ CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ

Căn cứ kết quả kiểm tra, xác minh và kết luận nêu trên, Chánh Thanh tra, giám sát Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Đồng Nai kiến nghị các biện pháp xử lý:

I. Kiến nghị đối với Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng

1. Theo dõi, chỉ đạo VPB Chi nhánh Đồng Nai chấn chỉnh, khắc phục những vi phạm đã nêu tại Phần II Kết quả kiểm tra, xác minh.

2. Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát nội bộ tại VPB Chi nhánh Đồng Nai nhằm phát hiện những vi phạm để có biện pháp chấn chỉnh kịp thời, đảm bảo an toàn trong hoạt động, trong đó: Thực hiện rà soát kiểm tra, kiểm

toán nội bộ đối với các hồ sơ chưa được thanh tra; thường xuyên kiểm tra, theo dõi tình hình hoạt động của VPB Chi nhánh Đồng Nai để có biện pháp xử lý kịp thời, đặc biệt là đối với các khoản nợ quá hạn, nợ xấu, nợ sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng. Báo cáo kết quả thực hiện (kèm theo tài liệu chứng minh) trong vòng 06 tháng kể từ ngày ban hành Kết luận thanh tra.

3. Tổ chức họp kiểm điểm, xử lý trách nhiệm đối với những người có liên quan đến các tồn tại, sai phạm đã nêu chi tiết tại Phần II Kết quả kiểm tra, xác minh thuộc thẩm quyền quản lý của Hội sở VPB, đặc biệt đối với hành vi vi phạm hành chính về công tác phân loại nợ; Xác định kiểm điểm trách nhiệm cụ thể từng cá nhân, chức danh thuộc Khối Quản trị rủi ro, Trung tâm Quản lý và thu hồi nợ, Trung tâm xử lý nợ pháp lý và đơn vị khác có liên quan đến vi phạm về phân loại nợ, xử lý nợ có vấn đề, sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng. Báo cáo kết quả thực hiện (kèm theo tài liệu chứng minh) trong vòng 03 tháng kể từ ngày ban hành Kết luận thanh tra.

4. Có biện pháp quản lý việc điều chuyển dư nợ tại VPB Chi nhánh Đồng Nai, đảm bảo công tác quản lý nợ, việc xử lý nợ quá hạn, nợ xấu vẫn được thực hiện liên tục nhằm thu hồi nợ theo quy định nhưng vẫn xác định đầy đủ, chính xác thực trạng tín dụng tại Chi nhánh (các khoản nợ phát sinh tại Chi nhánh vẫn cần ghi nhận, hạch toán theo dõi tại Chi nhánh) nhằm nâng cao trách nhiệm đối với các cá nhân trong việc thẩm định và phê duyệt cho vay.

5. Khuyến nghị:

5.1. Đối với sản phẩm cho vay liên quan dự án Gem Sky World: Xây dựng cụ thể các biện pháp xử lý nhằm bổ sung, khắc phục các vấn đề chưa đầy đủ, chặt chẽ, phát sinh rủi ro trong việc cho vay thanh toán tiền đặt cọc cho Công ty CP Dịch vụ BĐS Đất Xanh để cung ứng dịch vụ tư vấn và môi giới bất động sản cho khách hàng có thể tìm hiểu và mua được BĐS tại dự án Gem Sky World. VPB cần tăng cường kiểm soát chặt chẽ khoản vay, đánh giá các hạn chế, rủi ro có thể phát sinh để có biện pháp khắc phục kịp thời; Yêu cầu, đơn đốc Công ty CP Dịch vụ BĐS Đất Xanh huy động nguồn lực, thực hiện đúng cam kết theo các thoả thuận; Theo dõi, phối hợp chặt chẽ thực hiện các chỉ đạo, chỉ thị của UBND tỉnh Đồng Nai và cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan đến giải quyết tranh chấp với người dân theo quy định pháp luật.

5.2. Đối với sản phẩm cho vay TOPUP tiềm ẩn rất nhiều rủi ro trong quá trình triển khai thực hiện do các nội dung sản phẩm chưa quy định đầy đủ, cụ thể và chặt chẽ. VPB cần thiết sửa đổi, bổ sung các nội dung quy định cụ thể trong việc triển khai thực hiện tại các đơn vị kinh doanh nhằm thẩm định, kiểm tra đánh giá, phê duyệt cho vay đầy đủ chính xác, tuân thủ các quy định của pháp luật về cho vay, hạn chế rủi ro và đảm bảo an toàn cho khoản vay.

5.3. Thực hiện rà soát sửa đổi, bổ sung đầy đủ, chặt chẽ và chi tiết các quy định trong công tác cho vay, đối với các sản phẩm cho vay: Thu thập hồ sơ vay vốn đầy đủ, thu thập chứng từ chứng minh nguồn trả nợ, chứng minh mục đích sử dụng vốn vay tuân thủ theo các quy định pháp luật để làm cơ sở thẩm định đầy đủ, chính xác việc cho vay; Công tác thẩm định và xét duyệt cho vay cần chặt chẽ, đầy đủ, thẩm định được hiệu quả phương án vay vốn của khách hàng;

Có quy định chặt chẽ đối với công tác kiểm tra trước, trong và sau cho vay để kiểm soát được mục đích sử dụng vốn, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính và khả năng trả nợ của khách hàng.

5.4. Ban hành mới, sửa đổi các quy định cụ thể trong việc định giá tài sản đảm bảo (bất động sản, động sản, máy móc thiết bị,...) để các Chi nhánh trực thuộc có đầy đủ căn cứ thực hiện xác định tương đối chính xác giá trị tài sản cần định giá nhằm hạn chế khó khăn, rủi ro trong việc xử lý tài sản đảm bảo khi khách hàng không có khả năng trả nợ theo HĐTD. Cần thiết thực hiện định giá TSĐB của các Công ty thẩm định giá độc lập khác, có uy tín chất lượng để đảm bảo tính khách quan và chuyên môn hoá trong việc định giá TSĐB.

5.5. Quản lý tốc độ tăng trưởng tín dụng tại VPB Chi nhánh Đồng Nai khi tình hình nợ xấu tăng mạnh qua các thời điểm, việc sử dụng dự phòng rủi ro đối với các khoản vay không có khả năng trả nợ tương đối cao và ngày càng có xu hướng tăng; Các sản phẩm cho vay tại VPB thực hiện áp dụng giao cho đơn vị kinh doanh chịu trách nhiệm tính chính xác và xác thực hồ sơ vay vốn dẫn đến chưa thẩm định chặt chẽ, chính xác mục đích vay vốn, nguồn trả nợ của khách hàng là tiềm ẩn rất nhiều rủi ro trong công tác cho vay, quản lý khoản vay, quản lý chất lượng tín dụng.

II. Kiến nghị đối với Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng Chi nhánh Đồng Nai

Yêu cầu Giám đốc VPB Chi nhánh Đồng Nai rà soát toàn bộ những tồn tại, sai phạm đã nêu tại kết quả thanh tra để chỉnh sửa, khắc phục kịp thời. Đồng thời thực hiện một số nội dung sau:

1. Rút kinh nghiệm đối với những tồn tại, sai phạm trong công tác thẩm định đối với 111 khách hàng (263 khoản vay) với tổng dư nợ có liên quan đến 31/12/2023 là 1.047.425 triệu đồng và đối với 17 khách hàng với tổng dư nợ có liên quan (XLRR) đến 31/12/2023 là 12.147 triệu đồng đã nêu tại Phần II Kết quả kiểm tra, xác minh. Chấn chỉnh công tác thẩm định, nâng cao kỹ năng, chất lượng công tác thẩm định trước khi cho vay, chú trọng thẩm định tính khả thi, hiệu quả của phương án vay vốn, số liệu tài chính và nguồn trả nợ từ khách hàng phải đảm bảo các căn cứ, cơ sở tính toán, tính xác thực đối với các hồ sơ phát sinh cho vay mới. Thời gian thực hiện: 04 tháng kể từ ngày ban hành Kết luận thanh tra.

2. Thực hiện đăng ký giao dịch đảm bảo, đăng ký thay đổi nội dung đăng ký giao dịch đảm bảo theo quy định tại Nghị định số 99/2022/NĐ-CP ngày 30/11/2022 của Chính phủ về đăng ký biện pháp đảm bảo đối với khách hàng Định Quang Hiệu và khách hàng Chu Ngọc Trung đã nêu tại Phần II Kết quả kiểm tra, xác minh. Thời gian thực hiện: 03 tháng kể từ ngày ban hành Kết luận thanh tra.

3. Chấn chỉnh rút kinh nghiệm, nâng cao chất lượng và tổ chức thực hiện kiểm tra chặt chẽ trước, trong và sau khi cho vay theo đúng quy định. Biên bản kiểm tra sau cho vay phải đánh giá được cụ thể tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của khách hàng, thu thập chứng từ chứng minh mục đích sử dụng vốn vay, nguồn trả nợ và tài sản đảm bảo; Khắc phục, chỉnh sửa những tồn tại,

sai phạm về công tác kiểm tra, giám sát vốn vay đối với 101 khách hàng (237 khoản vay) với tổng dư nợ có liên quan đến 31/12/2023 là 915.848 triệu đồng và đối với 17 khách hàng với tổng dư nợ có liên quan (XLRR) đến 31/12/2023 là 11.853 triệu đồng đã nêu tại Phần II Kết quả kiểm tra, xác minh. Áp dụng các biện pháp thu hồi vốn trước hạn trong trường hợp không bổ sung chứng từ chứng minh mục đích sử dụng vốn theo đúng quy định của pháp luật. Thời gian thực hiện: 06 tháng kể từ ngày ban hành Kết luận thanh tra.

4. Thực hiện áp dụng các biện pháp nhằm thu hồi vốn trước hạn đối với khách hàng Nguyễn Quốc Tri, dư nợ 4.500 triệu đồng đã nêu tại Phần II Kết quả kiểm tra xác minh, khách hàng vay vốn nhưng không sử dụng vốn đúng mục đích theo thoả thuận của hợp đồng tín dụng. Thời gian thực hiện: 03 tháng kể từ ngày ban hành Kết luận thanh tra.

5. Thực hiện hạch toán trích lập bổ sung dự phòng cụ thể thiếu số tiền 1.341,7 triệu đồng tại thời điểm 31/12/2023, đồng thời xác định lại kết quả kinh doanh năm 2023 theo quy định của pháp luật. Thời gian thực hiện: 03 tháng kể từ ngày ban hành Kết luận thanh tra.

6. Chấn chỉnh, rút kinh nghiệm trong việc thực hiện quy trình sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng đối với các khách hàng đảm bảo đúng theo nguyên tắc xử lý rủi ro quy định tại khoản 2 Điều 16 Thông tư số 11/2021/TT-NHNN ngày 30/7/2021 của NHNN Việt Nam. Bổ sung đầy đủ hồ sơ về công tác xử lý nợ có vấn đề trước và sau khi thực hiện trình sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng đã nêu tại Phần II Kết quả kiểm tra, xác minh. Thời gian thực hiện: 03 tháng kể từ ngày ban hành Kết luận thanh tra.

7. Thực hiện bổ sung hồ sơ vay vốn đầy đủ theo đúng quy định đối với 39 khách hàng với tổng dư nợ có liên quan là 371.627 triệu đồng, bổ sung đầy đủ chứng từ sau khi giải ngân đối với 04 khách hàng với tổng dư nợ có liên quan là 12.676 triệu đồng đã nêu tại Phần II Kết quả kiểm tra, xác minh. Áp dụng các biện pháp thu hồi vốn trước hạn trong trường hợp không bổ sung đầy đủ chứng từ theo đúng quy định của pháp luật. Thời gian thực hiện: 06 tháng kể từ ngày ban hành Kết luận thanh tra.

8. Thực hiện bổ sung đầy đủ hồ sơ về xử lý nợ có vấn đề theo các bước quy định đối với 03 khách hàng (Bùi Thị Thôi, Nguyễn Thị Diệp, Nguyễn Thanh Hải) với tổng dư nợ có liên quan là 25.737 triệu đồng; Đồng thời rà soát thực hiện đầy đủ quy trình về xử lý nợ có vấn đề đối với các khoản nợ có vấn đề tại VPB Chi nhánh Đồng Nai theo quy định. Xây dựng kế hoạch, lộ trình cụ thể trong việc triển khai các biện pháp (kể cả khởi kiện) đối với các khoản nợ xấu, nợ xử lý rủi ro để thu hồi nợ, đảm bảo an toàn hoạt động của ngân hàng. Thời gian thực hiện: 03 tháng kể từ ngày ban hành Kết luận thanh tra.

9. Chấn chỉnh rút kinh nghiệm trong việc phê duyệt cấp tín dụng đối với Công ty TNHH Thương mại dịch vụ - Xuất nhập khẩu Kim Mỹ Phát, dư nợ 1.600 triệu đồng khi đưa ra điều kiện ràng buộc khách hàng tham gia bảo hiểm nhân thọ là chưa tách bạch giữa hoạt động đại lý bảo hiểm và hoạt động cấp tín dụng. Nghiêm túc thực hiện triển khai đầy đủ các quy định về hoạt động Đại lý bảo hiểm tại VPB Chi nhánh Đồng Nai, đảm bảo hoạt động Đại lý bảo hiểm



thực hiện theo đúng chủ trương và quy định của NHNN Việt Nam. Thời gian thực hiện: 03 tháng kể từ ngày ban hành Kết luận thanh tra.

10. Chấn chỉnh rút kinh nghiệm trong công tác thẩm định cho vay, công tác thẩm định cơ cấu nợ, công tác kiểm tra sau cho vay; Thực hiện thu thập đầy đủ chứng từ chứng minh phương án cơ cấu nợ bị ảnh hưởng bởi Covid-19 đối với 05 hồ sơ khách hàng cơ cấu nợ Covid-19 với tổng dư nợ là 1.305 triệu đồng đã nêu tại Phần II Kết quả kiểm tra, xác minh; Trường hợp không thu thập đầy đủ thì không áp dụng các điều kiện cơ cấu nợ Covid-19 đối với khách hàng. Thời gian thực hiện: 03 tháng từ ngày ban hành Kết luận thanh tra.

11. Cảnh báo rủi ro đối với:

- Việc thẩm định, định giá tài sản đảm bảo là các QSD đất tại VPB Chi nhánh Đồng Nai cần phải đầy đủ thông tin cần định giá đã nêu tại Phần II Kết quả kiểm tra xác minh. Khuyến nghị cần thiết định giá lại tài sản đảm bảo có đầy đủ thông tin, chứng từ, tài liệu để làm căn cứ cần định giá.

- Tình hình tài chính và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Xuất nhập khẩu Kim Mỹ Phát. Khuyến nghị cần thiết xem xét, đánh giá lại nhu cầu vốn vay và khả năng trả nợ vay ngắn hạn của Công ty; Đồng thời tăng cường công tác kiểm tra, giám sát vốn vay để có những biện pháp ứng xử tín dụng phù hợp.

12. Yêu cầu VPB Chi nhánh Đồng Nai tổ chức họp kiểm điểm, quy trách nhiệm, xử lý theo quy định nội bộ đối với cá nhân có liên quan đến sai phạm đã nêu chi tiết tại Phần II Kết quả kiểm tra, xác minh thuộc thẩm quyền quản lý của VPB Chi nhánh Đồng Nai. Báo cáo kết quả thực hiện (kèm theo tài liệu chứng minh), thời gian thực hiện: 03 tháng kể từ ngày ban hành Kết luận thanh tra.

Yêu cầu Giám đốc VPB Chi nhánh Đồng Nai tổ chức thực hiện các kiến nghị theo đúng thời hạn nêu trên. Báo cáo kết quả thực hiện việc chấn chỉnh sau thanh tra gửi về Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Đồng Nai định kỳ trước ngày 05 hàng tháng cho đến khi hoàn tất việc thực hiện các kiến nghị được nêu tại Kết luận thanh tra.

Kết luận thanh tra gồm 40 trang và đính kèm các mẫu biểu, phụ lục do Đoàn thanh tra lập, là một bộ phận không tách rời Kết luận thanh tra, được gửi tới các nơi nhận dưới đây. /.

Nơi nhận:

- VPB Chi nhánh Đồng Nai (để thực hiện);
- VPB (để thực hiện);
- Cơ quan TTGSNH (để báo cáo);
- Giám đốc (để báo cáo);
- TTGS Chi nhánh (để theo dõi CSSTT);
- Lưu VT, TTGS, Hồ sơ thanh tra.

Đính kèm:

- Biểu 08-Tổng hợp vi phạm về hoạt động cho vay;
- Phụ lục 01 về công tác thẩm định;
- Phụ lục 02 về công tác kiểm tra sau cho vay;
- Phụ lục 03 về vi phạm khác.

**CHÁNH THANH TRA, GIÁM SÁT
PHÓ CHÁNH THANH TRA PHỤ TRÁCH**

